

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC.**
State Securities Commission.
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.
Ha Noi Stock Exchange.

1. Tên công ty/Name of company: CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
CAMIMEX JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: CMM
- Địa chỉ /Address: 333 Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau
333Cao Thang, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province
- Điện thoại/Telephone: 0290.3831608 ;Fax: 0290.3580827
- Email: camimex@camimex.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Content of published information:

Vào ngày 20/04/2026, Công ty cổ phần Camimex đã thực hiện đăng tải Báo cáo thường niên 2025 trên trang điện tử của Công ty tại địa chỉ <https://cmmseafood.com.vn>

On April 20, 2026, Camimex Joint Stock Company has posted the 2025 Annual Report on the Company's website at <https://cmmseafood.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the information published above is true and take full responsibility before the law for the content of the published information.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người UQ CBTT



Nguyễn Hoài Linh

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
CAMIMEX**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN CAMIMEX
DN: C=VN, L=CÀ MAU, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN CAMIMEX,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:2001122903,
E=CAMIMEX@CAMIMEX.COM.VN
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2026.04.20 15:19:56+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 11.2.0



BÁO CÁO 2025 THƯỜNG NIÊN

Mục lục

01



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

02



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

03



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

04



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

06



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025



01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Tên doanh nghiệp	: CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
Tên doanh nghiệp quốc tế	: CAMIMEX JOINT STOCK COMPANY
Tên doanh nghiệp viết tắt	: CAMIMEX CORP
Sàn chứng khoán	: UPCOM
Giấy chứng nhận ĐKDN	: số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp đăng ký lần đầu ngày 06/06/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 07/08/2025
Mã số thuế	: 2001122903
Mã cổ phiếu	: CMM
Vốn điều lệ	: 978.999.980.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 978.999.980.000 đồng
Địa chỉ	: Số 333, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Số điện thoại	: 0290 3831608
Email	: camimex@camimex.com.vn
Website	: cmmseafood.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

06/06/2013

Công ty Cổ phần CAMIMEX được thành lập với tiền thân là công ty TNHH Thủy sản CAMIMEX với vốn điều lệ 354,5 tỷ đồng từ sự góp vốn thành lập của công ty mẹ là Công ty Cổ Phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (nay là CAMIMEX Group).

2017

Công ty nhận góp vốn bằng thương hiệu từ Công ty Cổ phần CAMIMEX Group là quyền sở hữu trí tuệ đối với các nhãn hiệu HATCHERY SHRIMP CAMIMEX và CAMIMEX. Việc này đã giúp tăng vốn điều lệ của công ty lên 415 tỷ đồng, đồng thời giúp công ty đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu nhờ mối quan hệ quốc tế mà CTCP CAMIMEX Group đã có từ trước đó.

10/2018

Công ty TNHH Thủy sản CAMIMEX được đổi tên thành “Công ty TNHH CAMIMEX” với định hướng kinh doanh đa ngành nghề ngoài thủy sản.

02/2019

Công ty chuyển đổi mô hình kinh doanh sang hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần CAMIMEX với vốn điều lệ đăng ký là 515.000.000.000 đồng. Việc chuyển đổi này nhằm mục đích mở rộng quy mô hoạt động, thu hút thêm các nhà đầu tư tham gia đồng thời tạo tiền đề để tiến tới việc tham gia vào thị trường chứng khoán.

06/2020

Công ty tăng vốn điều lệ thành công lên mức 630 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903.

2021

CAMIMEX Corp đạt cột mốc sản lượng sản phẩm các loại hơn 7.000 tấn, doanh thu thu về lần đầu tiên cán mốc hơn 2.000 tỷ - cao nhất kể từ khi thành lập.



2022

Ngày 26/05/2022, Công ty nhận được công văn số 3158/ UBCK-GSDC của UBCKNN chấp thuận việc trở thành công ty đại chúng.

Ngày 28/10/2022, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP CAMIMEX.

Ngày 01/11/2022, Công ty nhận được Công văn số 3196/ TB-SGDHN của Sở GDCK Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch của CTCP CAMIMEX.

Ngày 08/11/2022, Công ty có phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên tại Sở GDCK Hà Nội với mã chứng khoán là CMM.

07/2023

Công ty phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, theo đó tăng vốn điều lệ từ 630.000.000.000 đồng lên 944.999.980.000 đồng.

2024

CAMIMEX thực hiện chào bán cổ phiếu thêm ra công chúng theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ.CMM.23 của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/05/2024, số tiền thu được là 34.000.000.000 đồng, vốn điều lệ tăng từ 944.999.980.000 đồng lên 978.999.980.000 đồng.



Camimex Corp

Môi trường xanh - Sản phẩm sạch

Thành tựu



VỀ XUẤT KHẨU

Các sản phẩm xuất khẩu của CAMIMEX đã có mặt tại hơn 25 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, chủ yếu tập trung ở Thụy Sĩ, Canada, Đức, Nhật và Hàn Quốc

VỀ NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Kể từ khi thành lập với 03 nhà máy có tổng công suất 10.000 tấn/năm, đến nay công ty đã có 5 nhà máy với tổng công suất nhà máy đã đạt hơn 67.000 tấn sản phẩm/năm.

VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Công ty cũng đã đạt được nhiều tiêu chuẩn quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm như GMP, SSOP, HACCP, ISO, BRC...



BIO SUISSE
ORGANIC



BRC
Food Safety
CERTIFICATED



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của CAMIMEX là: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Bên cạnh đó, Công ty còn có các hoạt động khác bao gồm:

- 01** Nuôi tôm
- 02** Nuôi trồng thủy sản nội địa
- 03** Xuất nhập khẩu thủy sản các loại
- 04** Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân
- 05** Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh



Địa bàn kinh doanh

Công ty có 5 nhà máy, gồm

- » Công ty Cổ phần Camimex - Chi nhánh Xí nghiệp Xuất nhập khẩu Chế biến Thủy sản đông lạnh Cà Mau 2 (Số 333, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau) - Code EU: DL25
- » Công ty Cổ phần Camimex - Chi nhánh Xí nghiệp đông lạnh Cà Mau 4 (224 Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau) - Code EU: DL178
- » Công ty Cổ phần Camimex - Chi nhánh Xí nghiệp đông lạnh Cà Mau 5 (999 Lý Thường Kiệt, khóm 14, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau) - Code EU: DL351 (tại địa chỉ này có 2 nhà máy).
- » Nhà máy thủy sản Bến Tre: KCN An Hiệp, xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long.



Hệ thống phân phối của CAMIMEX bao gồm cả trong nước và nước ngoài với 25 thị trường xuất khẩu tại **25 quốc gia và vùng lãnh thổ** trên thế giới như: Châu Âu, Canada, Hàn Quốc, Nhật ...

Kho bãi: Hệ thống kho lạnh của CAMIMEX Group có sức chứa 3.500 tấn thành phẩm tại Cà Mau, Bến Tre và TP Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính

Số 333, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm,
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (Tiếp theo)

Sản phẩm chủ lực

Hàng năm, CAMIMEX chế biến và xuất khẩu khoảng hơn 6.000 tấn thành phẩm tôm ra các thị trường trên thế giới với kim ngạch khoảng trên 60 triệu đô la Mỹ và sẽ tăng mạnh trong những năm sắp tới. Các sản phẩm của công ty gồm tôm sú, thẻ công nghiệp; tôm sú, thẻ sinh thái với các mặt hàng đa dạng như: nguyên con, block, IQF, Cooked IQF, Nobashi, , Tẩm bột, Tempura... Thế mạnh của chúng tôi là các mặt hàng giá trị gia tăng và tôm sinh thái cũng như sản phẩm chất lượng cao.

TÔM TƯƠI

Tôm nguyên con đông, tôm lột đầu còn vỏ đông, tôm lột vỏ chưa đuôi đông, tôm lột hết vỏ đông,...



TÔM HẤP

Tôm nguyên con hấp đông, tôm xiên que hấp đông, tôm lột đầu còn vỏ hấp đông, tôm lột vỏ còn đuôi hấp đông,...



SẢN PHẨM TÔM KHÁC

- » Tôm Nobashi nhúng đuôi
- » Tôm lột đầu hấp
- » Tôm cuộn bánh tráng
- » Tôm sú PD xiên que
- » Tôm trộn gia vị
- » Tôm tempura
- » Tôm sú lột đầu
- » Tôm xẻ bướm
- » Tôm tẩm bột chiên
- » Tôm sushi
- » Tôm sú lột



Tôm nguyên con đông



Tôm lột đầu còn vỏ



Tôm lột đầu còn vỏ hấp



Tôm cuộn bánh tráng



Tôm sushi



Tôm Nobashi nhúng đuôi



Tôm xiên que



Tôm tẩm bột



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức, giải thể, phá sản của Công ty, có quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát.

Hội Đồng Quản Trị

HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT của CAMIMEX Corp gồm có 01 Chủ tịch và 04 thành viên. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

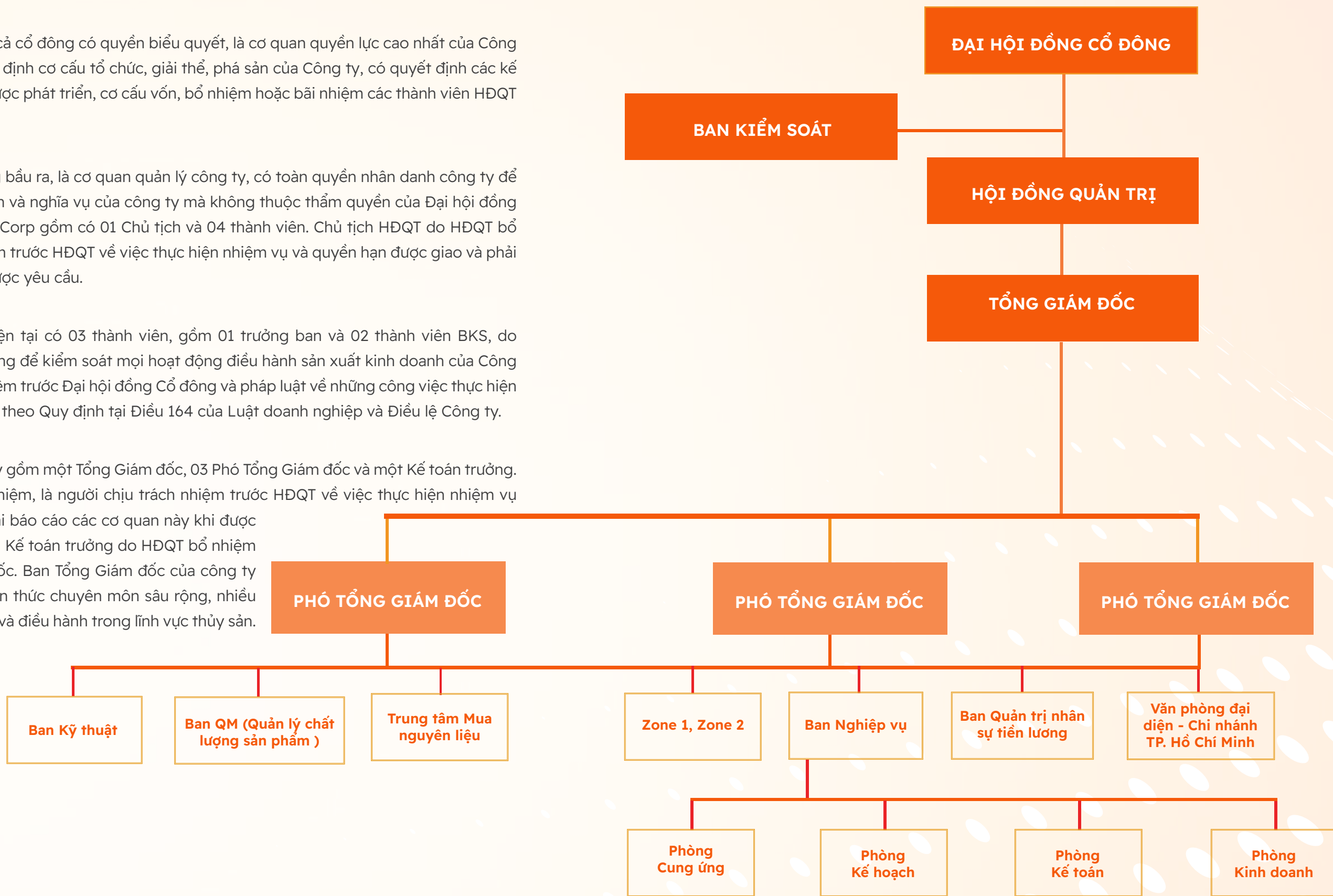
Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát của Công ty hiện tại có 03 thành viên, gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên BKS, do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm theo Quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm một Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc của công ty hiện nay là những người có kiến thức chuyên môn sâu rộng, nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành trong lĩnh vực thủy sản.

Cơ cấu bộ máy quản lý



THÔNG TIN VỀ
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH
VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (Tiếp theo)

CÁC PHÒNG BAN CHỨC NĂNG



Chi nhánh Văn phòng đại diện
tại TP. Hồ Chí Minh

Đảm nhận vai trò đại diện công ty trong việc giao dịch với các khách hàng cả trong và ngoài nước tại TP. Hồ Chí Minh.

Quản lý hoạt động kho bãi cho thuê của Công ty cùng với các chức năng khác theo sự phân công của công ty;



Ban nghiệp vụ

Ban Nghiệp vụ có 04 phòng chức năng trực thuộc như sau:

Phòng kinh doanh

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn khách hàng và chiến lược tiếp thị, xuất khẩu hàng hóa. Tiếp cận khách hàng, trao đổi các thông tin về giá cả, các điều kiện thương mại, đàm phán các điều khoản mua bán và tiến hành ký kết hợp đồng bán sản phẩm của công ty.

Kết nối với các phương tiện truyền thông đại chúng, xây dựng thông tin đa chiều lan tỏa thương và tạo hình ảnh tốt đối với công chúng về các sản phẩm của Công ty.

Phòng Kế hoạch

Chịu trách nhiệm lên kế hoạch sản xuất, xuất hàng thành phẩm cho khách hàng và các kế hoạch khác theo yêu cầu của Tổng giám đốc công ty.



Ban quản trị nhân sự tiền lương

Sắp xếp bộ máy nhân sự và phụ trách tiền lương thưởng, chế độ phúc lợi theo quy định của pháp luật

Hoạch định, chính sách tuyển dụng và đào tạo người lao động, đồng thời xử lý vi phạm kỷ luật, giải quyết đơn thư khiếu nại của người lao động.

Chịu trách nhiệm đánh giá và duy trì các tiêu chuẩn về chính sách xã hội như BSCI, SMECTA.

Phòng Kế toán

Lập báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo có liên quan theo đúng quy định của Pháp luật.

Ghi nhận toàn bộ giao dịch và phản ánh số liệu tài chính về tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản và nguồn vốn trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Báo cáo và cung cấp các số liệu kinh doanh cho việc điều hành kinh doanh, đồng thời kiểm tra tình hình thu chi, thu nộp, thanh toán và việc sử dụng các loại tài sản trong công ty.

Thực hiện hồ sơ hoàn thuế GTGT, thuế TNDN,... và đề xuất các biện pháp kịp thời để đạt được kết quả công nhận quyết toán thuế.

Quản lý các kho thành phẩm và kho vật tư.

Phòng Cung ứng

Chịu trách nhiệm cung ứng nguyên liệu và các vật tư, bao bì, hóa chất... phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.





Zone 1, Zone 2

Zone 1 và Zone 2 tổ chức triển khai thực hiện, giám sát các hoạt động sản xuất của các Xí nghiệp 1, Xí nghiệp 2, Xí nghiệp 4 và Xí nghiệp 5;

Lên kế hoạch sản xuất, chế biến từng ngày/tuần/tháng/quý báo cáo lên HĐQT, Ban TGD;

Báo cáo tình hình hoạt động của các thiết bị máy móc: sửa chữa hỏng hóc, khấu hao tài sản; thay thế phụ tùng nếu có;

Phối hợp với các phòng ban liên quan về kế hoạch sản xuất từng ngày/tuần/tháng/quý;

Tổ chức việc phân công ca cho khối công nhân, thực hiện điều hành giám sát các hoạt động chế biến trong quá trình các nhà máy hoạt động.



Trung tâm Mua nguyên liệu

Tổ chức thu mua tôm nguyên liệu giao cho các nhà máy của công ty sản xuất ra thành phẩm.



Ban QM (Quản lý chất lượng sản phẩm)

Cải tiến công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và mẫu mã cho sản phẩm

Kết hợp với các phòng, ban khác để triển khai nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phù hợp với từng thị trường xuất khẩu

Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công nghệ kỹ thuật và các công nghệ hữu ích cho hoạt động sản xuất sản phẩm.

Cập nhật tiêu chuẩn các thị trường xuất khẩu và xây dựng các khung đánh giá chất lượng nguyên liệu và thành phẩm

Chịu trách nhiệm đánh giá và duy trì các tiêu chuẩn về chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm như: EU Organic, Naturland Organic, Biosuisse, HACCP, ASC...



Ban Kỹ thuật

Xây dựng các chỉ tiêu về máy móc, phối hợp với các phòng ban sản xuất nhằm tối ưu hóa năng suất mỗi nhà máy.

Kiểm tra kỹ thuật chế biến và nhận chuyển giao đối với các thiết bị máy móc từ nước ngoài, đồng thời thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật của các nhà máy đã và đang trong quá trình hoạt động vận hành.

Quản lý và kiểm tra công tác kỹ thuật, thi công nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế.

Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công nghệ kỹ thuật hiện đại mang lại lợi ích cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty.

THÔNG TIN VỀ
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH
VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (Tiếp theo)

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con

CÔNG TY TNHH CAMIMEX ORGANIC

- » Địa chỉ: Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
- » Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa
- » Tỷ lệ sở hữu của Camimex đối với Công ty con là 79,21%.
- » Mức vốn điều lệ thực góp là 40.000.000.000 đồng (40 tỷ đồng).

Công ty liên kết: Không có.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mở rộng thị trường mới

Tiếp cận khách hàng tiềm năng: Công ty chủ động tìm kiếm và kết nối với các đối tác mới, đồng thời phát triển hệ thống khách hàng trên thị trường quốc tế.

Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại: Việc hiện diện tại các hội chợ, triển lãm chuyên ngành được đẩy mạnh nhằm quảng bá sản phẩm và tiếp cận trực tiếp các thị trường mục tiêu.

Tăng cường năng lực chế biến

Đầu tư hạ tầng: Công ty chú trọng nâng cấp máy móc, thiết bị và mở rộng diện tích nhà xưởng, qua đó nâng cao công suất chế biến để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

Phát triển mô hình tích hợp

Xây dựng vùng nuôi sinh thái: Triển khai các trang trại nuôi tôm theo hướng thân thiện với môi trường, đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, chất lượng và bền vững cho hoạt động chế biến.

Hợp tác với nông lâm trường: Tăng cường mối liên kết với các nông lâm trường tại Cà Mau nhằm củng cố nguồn cung nguyên liệu.

Nhập khẩu nguyên liệu chất lượng: Lựa chọn nhập khẩu những nguồn nguyên liệu phù hợp để sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng phục vụ xuất khẩu, góp phần tối ưu tồn kho và nâng cao hiệu quả vận hành.

Tận dụng lợi thế cạnh tranh

Tổ chức vận hành linh hoạt: Nhờ là doanh nghiệp mới, Công ty có khả năng thiết kế bộ máy gọn nhẹ, phân bổ nhân sự linh hoạt và áp dụng mô hình kinh doanh tối ưu, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và kiểm soát chuỗi giá trị.

Tận dụng lợi thế cạnh tranh

CAMIMEX Corp sở hữu lợi thế đáng kể khi kế thừa uy tín thương hiệu hơn 40 năm của CAMIMEX Group, bao gồm mô hình nuôi tôm tích hợp, quan hệ với các khách hàng lớn, chất lượng sản phẩm cao và đặc biệt là hệ thống tôm sinh thái. Nhờ đó, CMM có khả năng cung cấp danh mục sản phẩm đa dạng và đáp ứng nhanh chóng các đơn hàng từ thị trường trong nước và quốc tế.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Nguồn nguyên liệu	Chất lượng sản phẩm	Khai thác lợi thế cạnh tranh
Công ty tập trung đầu tư vào các mô hình nuôi tôm công nghệ cao, từng bước chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất. Mục tiêu đến năm 2030, CMM có thể tự chủ từ 15 - 30% nhu cầu tôm Vannamei đầu vào.	CMM không ngừng đổi mới, áp dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến nhằm nâng cao chất lượng, đa dạng hóa dòng sản phẩm theo hướng thân thiện môi trường và tối ưu hóa năng suất.	Doanh nghiệp tận dụng lợi thế về nguồn tôm sú sinh thái và uy tín thương hiệu lâu năm từ công ty mẹ để mở rộng thị trường và tăng sản lượng tiêu thụ.

Các mục tiêu phát triển bền vững



Phát triển bền vững

Công ty theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững bằng cách giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường thông qua quản lý tài nguyên hiệu quả và áp dụng các quy trình sản xuất sạch hơn. Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng theo đúng tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường, đồng thời Công ty đẩy mạnh ứng dụng năng lượng tái tạo và tối ưu hóa mức tiêu thụ năng lượng nhằm hạn chế lãng phí trong toàn bộ hoạt động sản xuất.



Phát triển hướng đến cộng đồng và xã hội

Công ty đặt khách hàng làm trọng tâm trong mọi chiến lược phát triển, ưu tiên đáp ứng nhu cầu và lợi ích của người tiêu dùng thông qua việc liên tục cải tiến sản phẩm. Niềm tin của khách hàng là minh chứng cho chất lượng và cũng là động lực thúc đẩy Công ty không ngừng hoàn thiện. Bên cạnh đó, các sản phẩm của CMM luôn đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và tuân thủ các quy định chất lượng quốc tế, đặc biệt tại những thị trường khó tính như Mỹ và Châu Âu. Nhờ đáp ứng được yêu cầu khắt khe này, sản lượng xuất khẩu của Công ty đã liên tục tăng trưởng trong thời gian qua.

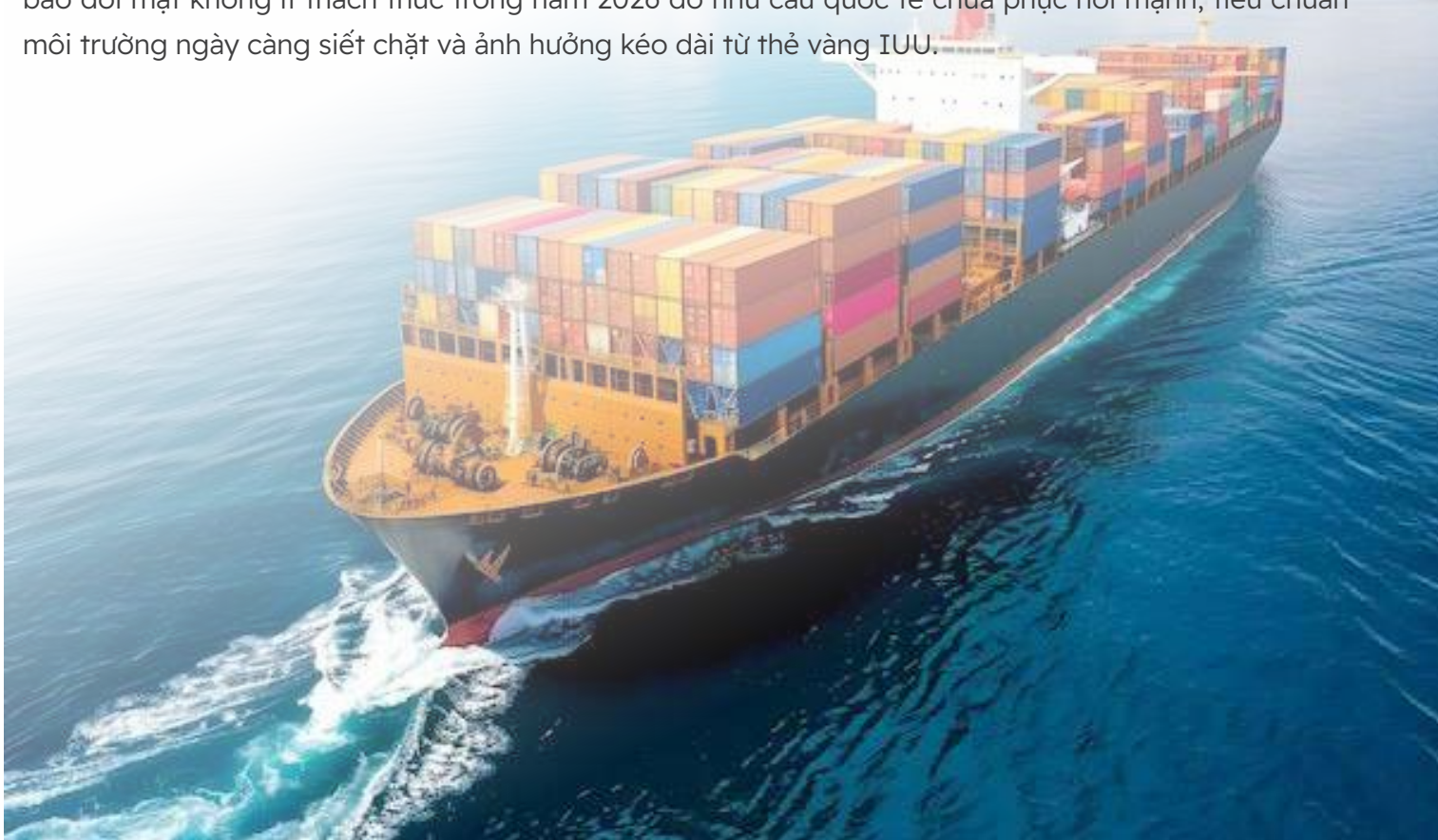


CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2025, kinh tế Việt Nam vận hành trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi nhưng còn thiếu vững chắc, thương mại quốc tế dù cải thiện song vẫn đối diện nhiều rủi ro và bất định. Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục ghi nhận sự phục hồi tích cực trong năm 2025 khi GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước (7,09%), hoàn thành mục tiêu 8% mà Chính phủ đề ra (Theo Tổng cục thống kê). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Bước sang năm 2026, Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng hai chữ số là một dấu mốc quan trọng sau gần bốn thập niên đổi mới, phản ánh quyết tâm tạo bút phá trong giai đoạn phát triển mới. Tuy vậy, kinh tế Việt Nam vẫn chịu áp lực lớn từ kiểm soát lạm phát, quản trị nợ công và yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, đổi mới công nghệ và tăng cường năng lực của các ngành công nghiệp hỗ trợ.

Năm 2026, theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, tăng trưởng toàn cầu dự kiến duy trì ở mức khiêm tốn, khoảng 3,3% theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), chủ yếu nhờ sự gia tăng hoạt động nhập khẩu mang tính tạm thời trước khi các mức thuế quan mới được áp dụng. Bên cạnh đó, thương mại toàn cầu được dự báo giảm tốc mạnh xuống khoảng 1,9% do nhu cầu tại Mỹ, EU và nhiều nền kinh tế lớn suy yếu. Trong bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động, các rủi ro địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại và sự tăng trưởng chậm lại tại các thị trường chủ lực như EU, Hàn Quốc, Trung Quốc có thể tác động trực tiếp đến xuất khẩu và tổng cầu trong nước. Ngành thủy sản, đặc biệt là tôm - lĩnh vực xuất khẩu quan trọng của Việt Nam dù đạt mức tăng trưởng 13% với hơn 11,34 tỷ USD trong năm 2025 theo VASEP, vẫn được dự báo đối mặt không ít thách thức trong năm 2026 do nhu cầu quốc tế chưa phục hồi mạnh, tiêu chuẩn môi trường ngày càng siết chặt và ảnh hưởng kéo dài từ thẻ vàng IUU.



Là doanh nghiệp xuất khẩu với thị trường trọng điểm tại EU, Hàn Quốc, Nhật Bản,... CAMIMEX nhận thức rõ những tác động trực tiếp từ sự suy giảm sức mua và biến động của thương mại toàn cầu. Do đó, Công ty sẽ thường xuyên theo dõi sát sao diễn biến kinh tế - chính trị quốc tế, đồng thời chủ động xây dựng các phương án ứng phó phù hợp, bao gồm:

- (i) Tăng cường nghiên cứu thị trường,
- (ii) Cải thiện tiêu chuẩn môi trường trong sản xuất và
- (iii) Đầu tư vào công nghệ chế biến nhằm duy trì ổn định hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh nhiều bất định.



CÁC RỦI RO (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Năm 2025 đánh dấu sự chuyển biến quan trọng của môi trường lãi suất toàn cầu khi các ngân hàng trung ương lớn, đặc biệt là Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), bắt đầu nới lỏng chính sách sau thời kỳ thắt chặt kéo dài, cụ thể, Fed đã giảm lãi suất tổng cộng ba lần trong năm đưa mức lãi suất xuống còn 3,5 - 3,75%. Việc giảm lãi suất của Fed và một số nền kinh tế chủ chốt đã góp phần hạ nhiệt chi phí vốn, hỗ trợ hoạt động tài chính quốc tế và cải thiện điều kiện cho các nền kinh tế mới nổi. Mặc dù vậy, rủi ro vẫn hiện hữu khi lạm phát tại một số quốc gia có khả năng tăng trở lại và biến động tỷ giá vẫn khó dự đoán.

Tại Việt Nam, mặt bằng lãi suất năm 2025 duy trì xu hướng giảm và ổn định, với lãi suất cho vay mới phổ biến trong khoảng 6,2 - 8,5%/năm và lãi suất huy động dao động 4 - 6%/năm tùy kỳ hạn. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn, hỗ trợ hoạt động sản xuất, xuất khẩu và đầu tư trong bối cảnh nhu cầu quốc tế có dấu hiệu chậm lại. Tuy nhiên, vào cuối năm 2025, lãi suất huy động có xu hướng tăng đáng kể nhằm đáp ứng nhu cầu tín dụng gia tăng, với lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng dao động trong khoảng 4 - 6,5%. Bên cạnh đó, theo Ngân hàng Nhà nước, lãi suất liên ngân hàng qua đêm vào thời điểm cuối năm ghi nhận ở mức cao, đạt 7,37%, phản ánh áp lực thanh khoản và nhu cầu vốn lớn của các ngân hàng thương mại, đặc biệt là nhóm ngân hàng tư nhân.

Bước sang năm 2026, triển vọng lãi suất phụ thuộc lớn vào khả năng kiểm soát lạm phát toàn cầu và diễn biến của đồng USD. Các tín hiệu từ “Biểu đồ chấm” của FOMC công bố tháng 9/2025 cho thấy Fed có xu hướng duy trì hoặc tiếp tục giảm lãi suất trong năm 2026 nếu các điều kiện kinh tế thuận lợi. Trong nước, lãi suất được dự báo có thể tăng nhẹ khi tăng trưởng tín dụng diễn ra nhanh hơn huy động và nhu cầu vốn của nền kinh tế tiếp tục mở rộng. Dù vậy, với điều hành linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước và lạm phát được kiểm soát, mặt bằng lãi suất năm 2026 nhiều khả năng vẫn giữ ở mức ổn định, không gây áp lực đáng kể lên hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Tuy nhiên, hiện nay với tình hình chính trị khu vực Trung Đông, có thể tạo ra những yếu tố tác động không nhỏ đến rủi ro lãi suất. Căng thẳng giữa các nước tại khu vực này đã làm gia tăng giá dầu, đặc biệt là khi các tuyến vận chuyển qua eo biển Hormuz, nơi chiếm khoảng 20% lưu lượng dầu toàn cầu, bị gián đoạn. Sự leo thang này có thể gây ra cú sốc năng lượng, dẫn đến tăng giá dầu, làm gia tăng lạm phát toàn cầu và tạo áp lực lên các chính sách tiền tệ. Tình hình này có thể ảnh hưởng gián tiếp đến chi phí vốn và yêu cầu các ngân hàng trung ương, bao gồm cả Fed và Ngân hàng Nhà nước, phải điều chỉnh lãi suất để đối phó với sự biến động của thị trường tài chính và năng lượng. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp cần chủ động điều chỉnh chiến lược tài chính, ưu tiên sử dụng các khoản vay dài hạn với lãi suất cố định nhằm giảm thiểu rủi ro biến động chi phí vốn, đồng thời đảm bảo nguồn lực ổn định cho các kế hoạch đầu tư trung và dài hạn.





Rủi ro tỷ giá

Trong năm 2025, trước bối cảnh Fed bắt đầu chu kỳ cắt giảm lãi suất nhưng đồng USD vẫn duy trì sức mạnh trên thị trường quốc tế, tỷ giá VND/USD tiếp tục ghi nhận xu hướng tăng và đã tăng khoảng 3,23% so với đầu năm. Diễn biến này phản ánh sự chênh lệch giữa tốc độ nới lỏng chính sách tiền tệ của Mỹ và mức độ phục hồi kinh tế toàn cầu, đồng thời cho thấy nhu cầu nắm giữ USD vẫn ở mức cao. Mặc dù áp lực tỷ giá gia tăng, xu hướng USD mạnh lên lại tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu khi doanh thu quy đổi sang VND được cải thiện và khả năng cạnh tranh về giá được tăng cường. Trong trường hợp của CMM, yếu tố này đã hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị phần và cải thiện lợi nhuận trong năm 2025.

Tuy nhiên, tình hình địa chính trị tại eo biển Hormuz vào đầu năm 2026 đang có những diễn biến căng thẳng đã làm gia tăng xung đột và sự bất ổn từ các hoạt động quân sự trong khu vực đang làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến giá dầu và thị trường ngoại hối toàn cầu. Sự gián đoạn trong việc vận chuyển dầu qua eo biển Hormuz làm giá dầu thế giới tăng mạnh, tạo ra cú sốc đối với nền kinh tế toàn cầu và gây áp lực lên tỷ giá. Tình trạng này có thể làm tăng độ biến động tỷ giá USD và VND, khiến việc dự đoán tỷ giá trở nên khó khăn hơn, đặc biệt đối với các doanh nghiệp xuất khẩu. Trong năm 2026, mặc dù thị trường kỳ vọng Fed có thể tiếp tục giảm lãi suất nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhưng việc tình hình địa chính trị tại Trung Đông leo thang và căng thẳng liên quan đến các quốc gia trong khu vực vẫn có thể tác động lớn đến sự ổn định của tỷ giá. Sự gia tăng giá dầu có thể làm đẩy nhanh lạm phát toàn cầu, ảnh hưởng đến các chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương, đặc biệt là Fed, làm gia tăng biến động tỷ giá.

Với việc tỷ giá tiếp tục bị chi phối bởi các yếu tố ngoại tại và địa chính trị, các doanh nghiệp xuất khẩu nói chung và CMM nói riêng sẽ đối mặt với thách thức trong việc đàm phán hợp đồng ngoại tệ và xây dựng kế hoạch tài chính. Vì vậy, việc sử dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro như hợp đồng kỳ hạn, điều chỉnh tỷ giá vào hợp đồng thương mại, và quản lý dòng tiền chủ động vẫn sẽ là ưu tiên hàng đầu để duy trì ổn định và hiệu quả kinh doanh trong một thị trường đầy biến động.



CÁC RỦI RO (tiếp theo)

Rủi ro pháp luật

CAMIMEX hoạt động trong khuôn khổ pháp lý rộng bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, các sắc thuế liên quan đến thu nhập doanh nghiệp và xuất nhập khẩu, cùng nhiều quy định chuyên ngành về hoạt động sản xuất -kinh doanh. Với việc cổ phiếu được giao dịch trên sàn UPCoM, Công ty cũng chịu sự giám sát chặt chẽ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tuân thủ các chuẩn mực về công bố thông tin, quản trị doanh nghiệp và minh bạch hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Từ năm 2025, theo Thông tư 68/2024/TT-BTC, tất cả công ty



đại chúng phải thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Quy định này giúp nâng cao tiêu chuẩn minh bạch trên thị trường, nhưng đồng thời làm gia tăng yêu cầu về nguồn lực, thời gian và chi phí của doanh nghiệp. Trong giai đoạn đầu triển khai, việc dịch thuật, rà soát và chuẩn hóa tài liệu song ngữ có thể tạo áp lực lên bộ máy quản trị và làm tăng rủi ro chậm công bố hoặc công bố không chính xác, ảnh hưởng đến uy tín của Công ty trên thị trường chứng khoán.

Song song với nghĩa vụ pháp lý trong nước, Công ty còn phải đáp ứng các yêu cầu hết sức nghiêm ngặt từ các thị trường quốc tế chủ lực như EU, Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc - đặc biệt về an toàn thực phẩm, kiểm soát dư lượng kháng sinh, truy xuất nguồn gốc và các tiêu chí về phát triển bền vững. Để xuất khẩu vào các thị trường này, Công ty phải duy trì và không ngừng nâng cao các chứng nhận quốc tế như HACCP, ASC, BAP, ISO 22000, GlobalG.A.P., FDA và EU Code. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn trên đòi hỏi hệ thống quản lý chất lượng nghiêm ngặt và sự kiểm soát liên tục từ vùng nuôi đến chế biến và xuất khẩu, qua đó đảm bảo sản phẩm đạt chuẩn an toàn và thân thiện với môi trường. Việc tuân thủ đầy đủ và kịp thời các quy định pháp lý không chỉ giúp Công ty giảm thiểu rủi ro về pháp lý và hoạt động, mà còn củng cố nền tảng phát triển dài hạn, tạo dựng sự tin cậy với đối tác quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành thủy sản toàn cầu.

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro cạnh tranh

Ngành tôm Việt Nam đang đối mặt với mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt từ Ecuador và Ấn Độ - hai quốc gia sở hữu lợi thế nổi trội về chi phí sản xuất thấp, quy mô nuôi lớn và tỷ lệ thành công cao trong mô hình thâm canh nhiều giai đoạn. Sự khác biệt này đã góp phần củng cố vị thế của Ecuador và Ấn Độ trên thị trường tôm toàn cầu. Mặc dù vậy, tôm Việt Nam vẫn duy trì được chỗ đứng quan trọng tại nhiều thị trường nhờ chất lượng ổn định, quy trình nuôi an toàn và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật cao. Một điểm thuận lợi nổi bật trong năm gần đây là kết quả cuối cùng của Hoa Kỳ về thuế chống bán phá giá (AD) và thuế chống trợ cấp (CVD) cho thấy tôm Việt Nam tiếp tục được áp mức thuế thấp hơn đáng kể so với nhiều quốc gia cạnh tranh (VASEP). Mức thuế CD/Tổng thuế AD-CVD của Việt Nam thấp hơn so với Ấn Độ và Ecuador, qua đó gia cố vị thế của tôm Việt tại thị trường Mỹ và tạo thêm dư địa tăng trưởng xuất khẩu trong giai đoạn tới. Đây là lợi thế quan trọng cho các doanh nghiệp như CAMIMEX, đặc biệt trong bối cảnh người mua quốc tế ưu tiên những nguồn cung ổn định, tuân thủ pháp lý và chi phí rủi ro thấp.

Nhật Bản là một trong những thị trường chủ lực của CMM, vẫn duy trì nhu cầu cao đối với các sản phẩm tôm sú chế biến tinh, đặc biệt nhóm hàng đông lạnh và sản phẩm giá trị gia tăng. Xu hướng tiêu dùng này phù hợp với năng lực chế biến kỹ thuật cao, sự tỉ mỉ và đa dạng hóa sản phẩm của Công ty. Tại châu Âu và Hàn Quốc, nơi các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, môi trường và truy xuất nguồn gốc ngày càng nghiêm ngặt, CMM tiếp tục có lợi thế cạnh tranh nhờ hệ sinh thái nuôi - chế biến khép kín đạt nhiều chứng nhận quốc tế, cùng khả năng tự chủ con giống chất lượng cao từ CAMIMEX GROUP. Để nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh trong bối cảnh thị trường biến động, Công ty đang đẩy mạnh các dự án công nghệ cao nhằm phát triển giống tôm khỏe mạnh, nâng tỷ lệ thành công trong nuôi, đồng thời tối ưu quy trình sản xuất để cải thiện chi phí. Song song đó, CMM tăng cường nghiên cứu thị trường để phát triển các dòng sản phẩm chế biến mới, hướng đến khai thác hiệu quả những phân khúc giá trị gia tăng - nơi Việt Nam có nhiều lợi thế hơn so với các quốc gia xuất khẩu tôm chi phí thấp như Ấn Độ và Ecuador.



CÁC RỦI RO (tiếp theo)

Rủi ro dịch bệnh, thời tiết

Dịch bệnh luôn là rủi ro lớn nhất của ngành thủy sản, đặc biệt là tôm, bởi chỉ một đợt bùng phát có thể gây thiệt hại diện rộng và làm gián đoạn toàn bộ chuỗi cung ứng. Tôm là loài biến nhiệt nên rất nhạy cảm với môi trường; các hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng, mưa trái mùa, thay đổi độ mặn hay xâm nhập mặn đều khiến tôm dễ bị sốc và giảm sức đề kháng. Theo dự báo của Tổ chức Khí tượng Thế giới, La Nina có thể quay lại cuối năm 2025 - đầu 2026 với lượng mưa tăng mạnh, bão, lũ và rét đậm, làm rủi ro môi trường càng cao.

Trước bối cảnh này, CMM đẩy mạnh các giải pháp quản lý sinh học và công nghệ nuôi an toàn. Đồng thời áp dụng mô hình nuôi quảng canh cải tiến giúp ổn định môi trường ao nuôi, kết hợp hệ thống xử lý nước thải sinh học nhiều tầng theo tiêu chuẩn châu Âu nhằm hạn chế phát tán mầm bệnh. Đội ngũ kỹ thuật thường xuyên kiểm tra các hộ nuôi liên kết và đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn Organic EU, Bio Suisse và Naturland. Những biện pháp này giúp CAMIMEX chủ động giảm thiểu rủi ro dịch bệnh, thích ứng tốt hơn với biến động thời tiết và nâng cao tính bền vững của chuỗi nuôi - chế biến giai đoạn 2025 - 2026.

Rủi ro về nguồn cung cấp và giá nguyên liệu

Khoảng 90% nguyên liệu đầu vào của CMM được thu mua từ các hộ nông trong nước và chỉ khoảng 10% nhập khẩu từ Ấn Độ. Do đặc thù của ngành thủy sản, chi phí nguyên liệu chiếm tới gần 80% giá vốn hàng bán, mọi biến động tại vùng nuôi đều tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Từ cuối năm 2024, giá tôm nguyên liệu tại Cà Mau tăng mạnh do nguồn cung suy giảm, người nuôi giảm thả giống vì dịch bệnh và thời tiết cực đoan. Bước sang năm 2025, tình trạng thiếu hụt nguyên liệu tiếp tục kéo dài khi chi phí thức ăn, vật tư nuôi tăng, trong khi nhu cầu nhập khẩu tôm phục hồi tại nhiều thị trường lớn khiến lượng tồn kho toàn ngành duy trì ở mức thấp. Theo VASEP, xuất khẩu tôm Việt Nam đạt hơn 4,6 tỷ USD trong năm 2025, tăng gần 20% so với cùng kỳ, cho thấy nhu cầu tăng nhanh nhưng nguồn cung trong nước không theo kịp. Việc giá tôm nguyên liệu tăng trong bối cảnh sản phẩm Việt Nam phải cạnh tranh quyết liệt với tôm giá thấp từ Ấn Độ, Ecuador và Indonesia khiến biên lợi nhuận của các doanh nghiệp chế biến bị thu hẹp. VASEP cũng cảnh báo tình trạng thiếu hụt nguyên liệu “có thể kéo dài đến đầu năm 2026”, tạo thêm sức ép chi phí cho toàn ngành. Trước bối cảnh đó, Công ty đã chủ động xây dựng kế hoạch thu mua theo mùa vụ, mở rộng hợp tác với các vùng nuôi và duy trì mức tồn kho chiến lược nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định cho sản xuất. Đồng thời, Công ty tập trung phát triển mô hình chuỗi nuôi - chế biến khép kín, giúp tăng mức độ tự chủ về nguyên liệu, kiểm soát chất lượng đầu vào và giảm thiểu rủi ro từ biến động giá trong giai đoạn 2025 - 2026.

Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro trực tiếp từ thị trường và vùng nuôi, CAMIMEX còn đối mặt với các yếu tố bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hạn mặn, cháy nổ hay sự cố kỹ thuật. Mặc dù không xảy ra thường xuyên, nhưng mỗi biến cố đều có thể gây gián đoạn sản xuất, làm hư hại máy móc, nhà xưởng và tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Nhận thức được mức độ nghiêm trọng của các rủi ro này, Công ty luôn chủ động xây dựng các phương án phòng ngừa, từ kiểm soát an toàn điện - phòng cháy chữa cháy, rà soát thiết bị định kỳ đến bố trí quy trình ứng phó khẩn cấp. Đồng thời, Công ty rất chú trọng công tác tuyên truyền nội bộ nhằm nâng cao ý thức, tinh thần sẵn sàng và trách nhiệm của toàn thể cán bộ, công nhân viên, qua đó giảm thiểu tối đa thiệt hại và đảm bảo hoạt động sản xuất - kinh doanh được duy trì ổn định.





02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

CAMIMEX CORP

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM**

**TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG
XUẤT KHẨU TÔM VIỆT NAM
NĂM 2025**

Năm 2025, ngành tôm Việt Nam tiếp tục đối mặt với thách thức từ dịch bệnh, biến đổi khí hậu và biến động thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, nhờ sự chủ động của doanh nghiệp và nhu cầu ổn định tại các thị trường chủ lực, xuất khẩu tôm vẫn duy trì được đà tăng trưởng tích cực và giữ vai trò dẫn dắt toàn ngành thủy sản. Theo số liệu tổng hợp của VASEP, xuất khẩu thủy sản Việt Nam năm 2025 đạt khoảng 11,3 tỷ USD, tăng khoảng 13-15% so với năm 2024, thiết lập mức cao kỷ lục mới của ngành. Trong đó, xuất khẩu tôm đạt trên 4,6 tỷ USD, tăng trên 20% so với năm trước, tiếp tục giữ vai trò là nhóm sản phẩm chủ lực và đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu xuất khẩu thủy sản.

Về cơ cấu thị trường, khối CPTPP tiếp tục là khu vực xuất khẩu lớn nhất, chiếm khoảng 27% tổng kim ngạch xuất khẩu tôm, tăng trưởng mạnh nhờ nhu cầu ổn định từ Nhật Bản, Canada và Úc. Trong đó, Trung Quốc -Hong Kong ghi nhận mức tăng trưởng nổi bật trên 30%, trở thành một trong những động lực quan trọng của ngành trong năm 2025. Với thị trường EU duy trì đà phục hồi tích cực, tăng khoảng 10-12%, hưởng lợi từ ưu đãi thuế quan theo EVFTA và xu hướng tiêu dùng sản phẩm sạch, truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Thị trường Mỹ đạt khoảng 1,8 tỷ USD, tăng trưởng ở mức một chữ số do chịu tác động từ chính sách thương mại và điều chỉnh tồn kho trong nửa cuối năm.

Trên bình diện quốc tế, áp lực cạnh tranh tiếp tục gia tăng khi Ecuador và Ấn Độ mở rộng sản lượng và kim ngạch xuất khẩu. Ecuador duy trì vị trí quốc gia xuất khẩu tôm lớn nhất thế giới với kim ngạch vượt 6 tỷ USD, trong khi Ấn Độ cũng ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể. Điều này đặt ngành tôm Việt Nam trước yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng, chi phí và tiêu chuẩn môi trường. Tuy nhiên, nhờ đẩy mạnh chế biến sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm, tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế và tận dụng hiệu quả ưu đãi thuế quan từ các FTA như CPTPP và EVFTA, tôm Việt Nam vẫn duy trì được vị thế cạnh tranh và mở rộng thị phần trong năm 2025. Kết quả đạt được cho thấy năm 2025 tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột của ngành tôm trong tăng trưởng xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Trong thời gian tới, định hướng phát triển của ngành tập trung vào nâng cao giá trị gia tăng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và phát triển bền vững thay vì chỉ mở rộng sản lượng, qua đó tạo nền tảng tăng trưởng ổn định và dài hạn.

Môi trường xanh - Sản phẩm sạch

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM



DOANH THU THUẦN
(Triệu đồng)

2.494.946

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	%Tăng/giảm 2025/2024
Doanh thu thuần	2.647.849	2.494.946	-5,77%
Giá vốn hàng bán	2.289.208	2.026.939	-11,46%
Lợi nhuận gộp	358.641	468.007	30,49%
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	52.123	95.001	82,26%
Lợi nhuận trước thuế	74.414	97.217	30,64%
Lợi nhuận sau thuế	54.535	77.509	42,13%

Năm 2025, trong bối cảnh thương mại thủy sản toàn cầu còn nhiều biến động, xuất khẩu thủy sản Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng. Trong cơ cấu ngành, tôm tiếp tục là nhóm hàng chủ lực khi đạt khoảng 4,31 tỷ USD, tăng 21,2%, cho thấy nhu cầu tại các thị trường trọng điểm có dấu hiệu phục hồi và dịch chuyển theo hướng ưu tiên nguồn cung ổn định, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng ngày càng cao.

Trên nền bối cảnh đó, Công ty ghi nhận doanh thu thuần năm 2025 giảm 5,77% so với năm trước. Sự suy giảm này chủ yếu xuất phát từ sự thay đổi trong cơ cấu hàng bán, biến động mặt bằng giá giữa hai kỳ và thời điểm ghi nhận doanh thu theo từng đơn hàng, từng thị trường, mặc dù sản lượng tiêu thụ vẫn có xu hướng tăng. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh trong năm tiếp tục chịu áp lực từ các yếu tố chi phí, đặc biệt là cước tàu, bill tàu và phụ phí xếp dỡ tại cảng gia tăng, kéo theo chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng so với năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận của Công ty vẫn được cải thiện tích cực nhờ kiểm soát tốt giá vốn hàng bán (giảm 11,46% cùng kỳ), chủ yếu thông qua việc chủ động hơn về nguồn nguyên liệu, tăng cường hợp tác với các nông hộ vùng nuôi và phát huy hiệu quả chuỗi giá trị sản xuất - chế biến tương đối đồng bộ. Nhờ đó, Công ty cải thiện đáng kể hiệu quả ở khâu hoạt động cốt lõi, qua đó lợi nhuận gộp năm 2025 đạt 468.007 triệu đồng, tăng 30,49% so với năm trước.

Ngoài ra, Công ty ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính đạt 37.426 triệu đồng tăng 92,91%, chủ yếu do chênh lệch tỷ giá và đối với lợi nhuận khác có sự giảm mạnh so với năm trước do không còn ghi nhận đáng kể các khoản thu nhập khác mang tính không thường xuyên, qua đó cho thấy kết quả lợi nhuận trong năm chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi. Kết quả đạt được trong năm không chỉ phản ánh năng lực thích ứng và điều hành linh hoạt của Công ty trước áp lực chi phí và biến động thị trường, mà còn tạo nền tảng quan trọng để CAMIMEX tiếp tục củng cố hiệu quả hoạt động và hướng tới phát triển ổn định, bền vững trong thời gian tới.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

CƠ CẤU DOANH THU

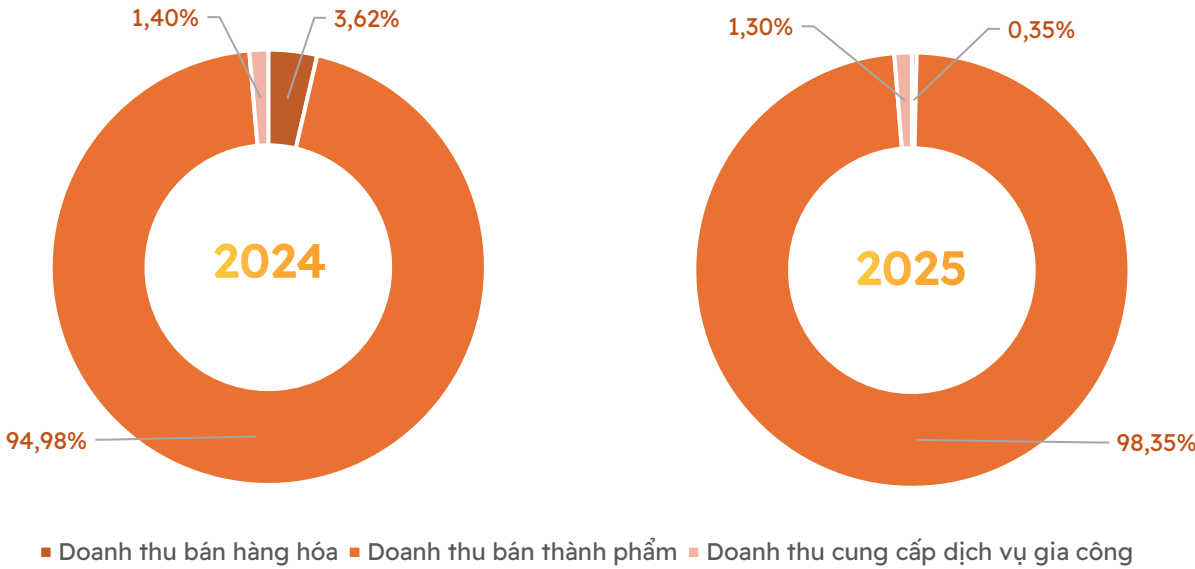
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		%Tăng/giảm 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu bán hàng hóa	95.832	3,62%	8.815	0,35%	-90,80%
Doanh thu bán thành phẩm	2.515.331	94,98%	2.478.494	98,35%	-1,46%
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	36.974	1,40%	32.774	1,30%	-11,36%
Tổng	2.648.137	100%	2.520.084	100%	-4,84%

Năm 2025, tổng doanh thu của Công ty đạt 2.520.084 triệu đồng, giảm 4,84% so với năm 2024. Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu bán thành phẩm đạt 2.478.494 triệu đồng, giảm nhẹ 1,46% so với năm trước và tiếp tục là nguồn thu chủ lực của Công ty khi chiếm 98,35% tổng doanh thu. Bên cạnh đó, doanh thu bán hàng hóa đạt 8.815 triệu đồng, chiếm 0,35% tổng doanh thu, trong khi doanh thu cung cấp dịch vụ đạt 32.774 triệu đồng, chiếm 1,30% tổng doanh thu. Đáng chú ý, cơ cấu doanh thu trong năm đã có sự chuyển dịch theo hướng tập trung mạnh hơn vào mảng thành phẩm chế biến, thể hiện ở việc tỷ trọng doanh thu bán hàng hóa giảm đáng kể từ 3,62% năm 2024 xuống

còn 0,35% năm 2025. Diễn biến này cho thấy Công ty đã tập trung nhiều hơn vào hoạt động cốt lõi là chế biến thành phẩm, đồng thời cơ cấu doanh thu cũng phản ánh xu hướng ưu tiên các đơn hàng thành phẩm có yêu cầu tiêu chuẩn và giá trị gia tăng cao hơn tại các thị trường mục tiêu.

Tuy nhiên, sự thay đổi về tỷ trọng doanh thu từ hàng hóa và dịch vụ cũng cho thấy cơ cấu doanh thu của Công ty trong năm 2025 tiếp tục tập trung rõ hơn vào mảng hoạt động cốt lõi. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục theo dõi diễn biến của các nguồn doanh thu này nhằm duy trì cơ cấu doanh thu phù hợp, nâng cao tính chủ động và tận dụng tốt các cơ hội thị trường khi điều kiện thuận lợi.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Đặng Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	-	-
2	Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	240.000	0,25%
3	Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	-	-
4	Ông Huỳnh Công Nhân	Phó Tổng Giám đốc	-	-
5	Bà Nguyễn Thị Lam	Kế toán trưởng	-	-

Lý lịch Ban Điều hành

ÔNG ĐẶNG NGỌC SƠN - TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày sinh: 19/06/1956
Trình độ chuyên môn: Cử nhân chế biến thủy sản
Số cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác:

1981 - 1994	Phó giám đốc phụ trách sản xuất Công tác tại Công ty Xuất nhập Thủy sản Sóc Trăng
1995 - 1998	Phó giám đốc Kỹ thuật CTCP Dầu khí Vũng Tàu
1998 - 2001	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP Thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh
2001 - 2005	Giám đốc Công ty TNHH An Hưng Bà Rịa Vũng Tàu
2005 - 2014	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh
08/2014 - 07/2019	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Camimex Group
07/2019 - 04/2022	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group
04/2022 - Nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group
09/2020 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Camimex

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- » TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group
- » Thành viên HĐQT CTCP Camimex Foods
- » Thành viên HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn

ÔNG BUI ĐỨC CƯỜNG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày sinh: 07/04/1973
Trình độ chuyên môn: Đại học - Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu đang nắm giữ: 240.000 cổ phiếu, tương ứng 0,25% Vốn điều lệ

Quá trình công tác:

1997 - 2008	Chuyên viên Công tác tại CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
2009 - 02/2013	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Quang Thuận - Ninh Thuận
06/2013 - 02/2019	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Camimex
06/2013 - 06/2025	Thành viên HĐQT CTCP Camimex Group
06/2013 - Nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group
01/2024 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc của CTCP Thảo Anh Fish

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- » Phó Tổng Giám Đốc CTCP Camimex Group
- » Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc của CTCP Thảo Anh Fish

ÔNG HUỖNH VĂN TẤN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 21/04/1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại
Số cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác:

2000 - 31/12/2001	Nhân viên thị trường Công ty bút bi Thiên Long
2002 - 30/06/2013	Cán bộ CTCP Camimex Group
01/07/2013 - 13/03/2019	Giám đốc kinh doanh CTCP Camimex Group
15/05/2020 - Nay	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc CTCP Camimex Group

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Camimex Group

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (Tiếp theo)

ÔNG HUỲNH CÔNG NHÂN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 09/12/1978
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác:

11/2001 - 01/2006	Nhân viên phòng kế toán CTCP Chế Biến Thủy Sản Xuất khẩu Minh Hải
02/2006 - 01/2007	Kế toán tổng hợp CTCP Chế Biến Thủy Sản Xuất khẩu Minh Hải
02/2007 - 08/2008	Kế toán trưởng CTCP Chế Biến Thủy Sản Xuất khẩu Minh Hải
09/2008 - 12/2009	Giám đốc tài chính CTCP Chế Biến Thủy Sản Xuất khẩu Minh Hải
01/2010 - 06/2011	Giám đốc tài chính CTCP Phú Cường Jostoco
07/2011 - 06/2012	Phó Tổng Giám đốc tài chính CTCP Phú Cường Jostoco
07/2012 - 12/2013	Giám đốc CTCP Phú Cường Jostoco
01/2014 - 12/2019	Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại Thủy sản Ngân Phú
03/2019 - 12/2019	Trợ lý chủ tịch HĐQT CTCP Camimex Foods
01/2020 - 10/2020	Tổng Giám đốc CTCP Camimex Foods
01/11/2020 - Nay	Kế toán trưởng CTCP Camimex Group
01/10/2024 - Nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Camimex

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng CTCP Camimex Group

BÀ NGUYỄN THỊ LAM - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày sinh: 13/03/1988
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
Số cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác:

10/2010 – 04/2014	Nhân viên Phòng Kế toán CTCP Camimex Group và CTCP Camimex
05/2014 – 05/2021	Phó phòng Kế toán CTCP Camimex Group và CTCP Camimex
06/2021 – 03/2023	Quyền Kế toán trưởng CTCP Camimex
02/2023 - Nay	Kế toán trưởng CTCP Camimex

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó phòng kế toán CTCP Camimex Group

Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2025

Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (Tiếp theo)

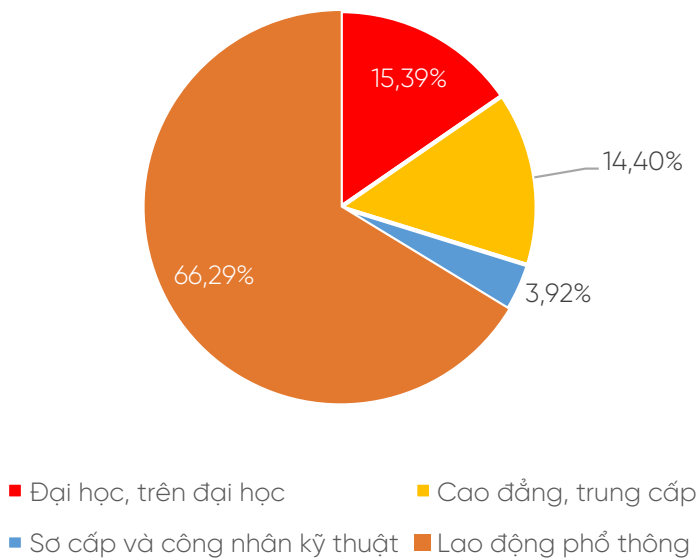
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Năm 2025	
		Số lượng	Tỷ lệ
I	Theo trình độ lao động	1.507	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	232	15,39%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	217	14,40%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	59	3,92%
4	Lao động phổ thông	999	66,29%
II	Theo loại hợp đồng lao động	1.507	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	8	0,53%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	18	1,19%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	8	0,53%
III	Theo giới tính	1.507	100%
1	Nam	722	47,91%
2	Nữ	785	52,09%

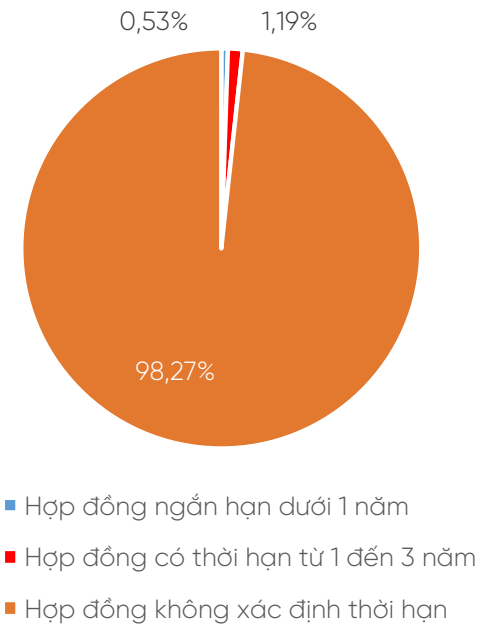
THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	1.363	1.507
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.100.000	9.000.000

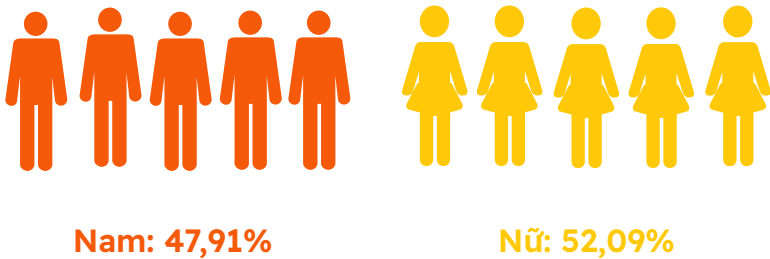
Theo trình độ



Theo tính chất hợp đồng lao động



Theo giới tính



Tổng số lượng người lao động

1.507 người

Lương bình quân

9.000.000 đồng

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (Tiếp theo)

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Môi trường làm việc

Doanh nghiệp luôn xem việc xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, kỷ luật và thân thiện là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Đặc biệt, đối với lĩnh vực chế biến thủy sản, công tác đảm bảo an toàn và chăm sóc sức khỏe cho người lao động được Công ty ưu tiên quan tâm.



Toàn bộ nhân viên được cung cấp đầy đủ trang phục và dụng cụ bảo hộ phù hợp nhằm hạn chế tối đa các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình sản xuất. Khu vực nhà xưởng, kho lạnh và dây chuyền chế biến được sắp xếp hợp lý, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về vệ sinh và an toàn, tạo nên không gian làm việc ổn định và hiệu quả.



Công ty thường xuyên triển khai các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển kỹ năng mềm cho người lao động, trong đó đặc biệt chú trọng đến công tác huấn luyện về an toàn lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm. Đồng thời, thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống máy móc, thiết bị được thực hiện định kỳ nhằm đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra ổn định, liên tục và hạn chế tối đa các rủi ro kỹ thuật.



Bên cạnh việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, Công ty cũng rất chú trọng xây dựng môi trường làm việc đề cao tinh thần hợp tác, cởi mở và tôn trọng lẫn nhau. Người lao động được khuyến khích tham gia đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp cải tiến quy trình làm việc. Các sáng kiến có giá trị được ghi nhận và khen thưởng, qua đó thúc đẩy tinh thần trách nhiệm và sự gắn kết lâu dài với doanh nghiệp.



Chính sách đào tạo

Công ty xem hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là yếu tố then chốt, đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển ổn định và lâu dài. Trên cơ sở đó, công ty xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với từng nhóm lao động, gắn với lộ trình nghề nghiệp cụ thể.

- » Đối với các công nhân viên tại nhà máy, trọng tâm đào tạo được đặt vào việc nâng cao tay nghề, tuân thủ quy trình sản xuất và đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc. Thông qua việc đào tạo chuyên sâu về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm (HACCP/BRC), kỹ thuật chế biến và an toàn lao động, người lao động từng bước làm chủ công nghệ, vận hành hiệu quả dây chuyền sản xuất và nâng cao năng suất.
- » Đối với khối nhân viên văn phòng và đội ngũ quản lý, Công ty bồi dưỡng năng lực điều hành, kỹ năng ứng dụng công nghệ và khả năng xử lý tình huống, qua đó hình thành đội ngũ quản lý chuyên nghiệp, thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.

Đồng thời, kết hợp việc tổ chức đánh giá năng lực định kỳ để kịp thời điều chỉnh và bổ sung kỹ năng còn thiếu, Công ty không ngừng hoàn thiện chính sách nhân sự, xây dựng đội ngũ lao động chất lượng cao, sẵn sàng đồng hành cùng mục tiêu phát triển lâu dài của doanh nghiệp.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (Tiếp theo)

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Chế độ lương, thưởng, phụ cấp

Công ty đã xây dựng chính sách thu nhập phù hợp với năng lực chuyên môn, mức độ đóng góp và kết quả làm việc của người lao động. Hệ thống tiền lương và chế độ đãi ngộ được thiết kế theo hướng minh bạch, công bằng nhằm khuyến khích phát triển, qua đó tạo sự ổn định và thúc đẩy tinh thần làm việc lâu dài của đội ngũ nhân sự.

- » Chính sách lương thưởng được xây dựng trên cơ sở tiêu chí đánh giá cụ thể, đảm bảo phản ánh đúng giá trị công việc và mức độ đóng góp của từng vị trí.
- » Đối với lực lượng lao động trực tiếp sản xuất, thu nhập được xác định dựa trên sản lượng và mức độ tuân thủ quy trình. Đồng thời, những bộ phận làm việc trong điều kiện đặc thù hoặc cường độ cao được hỗ trợ thêm các chế độ chăm sóc sức khỏe như suất bồi dưỡng, phụ cấp đặc biệt.
- » Mức lương cơ bản của từng cá nhân được xác lập phù hợp với năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và mặt bằng thu nhập chung trong ngành chế biến thủy sản.
- » Ngoài thu nhập cố định, Công ty còn áp dụng nhiều hình thức thưởng và phụ cấp theo hiệu quả công việc, bao gồm thưởng năng suất, thưởng hoàn thành mục tiêu, thưởng sáng kiến cải tiến, cùng các khoản chi trả bổ sung khi làm việc vào ngày lễ, ca đêm theo quy định hiện hành.
- » Những cá nhân đạt thành tích nổi bật hoặc có đóng góp quan trọng đối với hoạt động sản xuất - kinh doanh sẽ được khen thưởng định kỳ và tuyên dương nhằm khích lệ tinh thần sáng tạo.

Nhờ chính sách lương thưởng hợp lý cùng môi trường làm việc ổn định, Công ty tạo dựng động lực và điều kiện thuận lợi để người lao động an tâm làm việc, gắn bó lâu dài, đồng thời phát huy tối đa năng lực cá nhân trong quá trình công tác.



Chế độ phúc lợi

Bên cạnh chính sách thu nhập, CMM chú trọng triển khai nhiều chương trình phúc lợi thiết thực nhằm chăm sóc toàn diện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, hướng đến xây dựng môi trường làm việc nhân văn và bền vững.

Công ty hỗ trợ các suất ăn giữa ca, bố trí khu vực nghỉ ngơi cho nhân viên làm thêm giờ, đồng thời cung cấp nhiều khoản trợ cấp như hỗ trợ chi phí đi lại, nơi ở,... và phụ cấp trách nhiệm tùy theo tính chất công việc. Ngoài ra, Công ty còn duy trì các chế độ đãi ngộ bổ sung như thưởng tháng lương thứ 13, hỗ trợ người lao động có con nhỏ, hỗ trợ gửi xe cùng nhiều phúc lợi sinh hoạt khác, góp phần giảm áp lực chi tiêu cho nhân viên.

Những chính sách này không chỉ nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn tăng cường sự gắn kết, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của đội ngũ nhân sự và doanh nghiệp.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư

Trong năm 2025, CAMIMEX CORP tiếp tục thực hiện các khoản đầu tư, tập trung vào các dự án trọng điểm gồm công trình xây dựng Nhà máy Chế biến Thủy sản – Xí nghiệp I và công trình sửa chữa Nhà máy Chế biến Thủy sản Bến Tre.

Công ty con, công ty liên kết

Năm 2019, CMM đã tham gia đầu tư tại Công ty TNHH Camimex Organic với tổng vốn đầu tư 40 tỷ đồng, tương ứng 79,21% vốn điều lệ của Công ty TNHH Camimex Organic (CMO).

CMO là công ty sản xuất và cung cấp tôm giống nguyên liệu đạt chuẩn tôm giống sinh thái và cung cấp tôm nguyên liệu đạt chuẩn tôm sinh thái cho CMM. CMO hiện đang quản lý vùng nuôi tôm sinh thái rộng 8.500 ha đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt chuẩn tôm nuôi sinh thái để cung cấp cho CMM. Đây cũng là thế mạnh cạnh tranh của CMM khi khâu sản xuất được kiểm soát khép kín từ nhập nguyên liệu con giống, vùng nuôi trồng và cung cấp sản phẩm từ chuỗi khép kín này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con như sau:



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng tài sản	68.070	95.145	39,78%
2	Doanh thu thuần	264.327	306.355	15,90%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	957	1.907	99,27%
4	Lợi nhuận khác	(443)	(1.052)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	514	854	66,15%
6	Lợi nhuận sau thuế	314	401	27,71%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm 2025/2024
1	Tổng tài sản	3.286.395	3.915.551	19,14%
2	Doanh thu thuần	2.647.849	2.494.946	-5,77%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	52.123	95.001	82,26%
4	Lợi nhuận khác	22.290	2.217	-90,06%
5	Lợi nhuận trước thuế	74.414	97.217	30,64%
6	Lợi nhuận sau thuế	54.535	77.509	42,13%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	-	-	-

(*) Những năm gần đây, Công ty đang trong quá trình mở rộng và phát triển nên cần rất nhiều vốn cho đầu tư, cho vốn lưu động. Các chỉ số nợ của Công ty hiện cũng đang ở mức cao nên nếu chia cổ tức bằng tiền mặt thì sẽ không đảm bảo các chỉ số tài chính theo tiêu chuẩn của các tổ chức tài chính tín dụng yêu cầu Công ty cam kết không chia cổ tức bằng tiền mặt cho đến khi các chỉ số đó hạ xuống về mức tiêu chuẩn của họ. Chính vì thế nên Công ty chưa thể chia cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông. Năm 2025, Công ty tiếp tục giữ lại lợi nhuận để tái đầu tư và bổ sung cho nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.



Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2025
I Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1,50	1,45
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,61	0,44
II Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	66,55%	69,95%
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	198,99%	232,76%
III Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	1,71	1,16
	Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,88	0,69
IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,06%	3,11%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	1,81%	2,15%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	5,17%	6,81%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,97%	3,81%

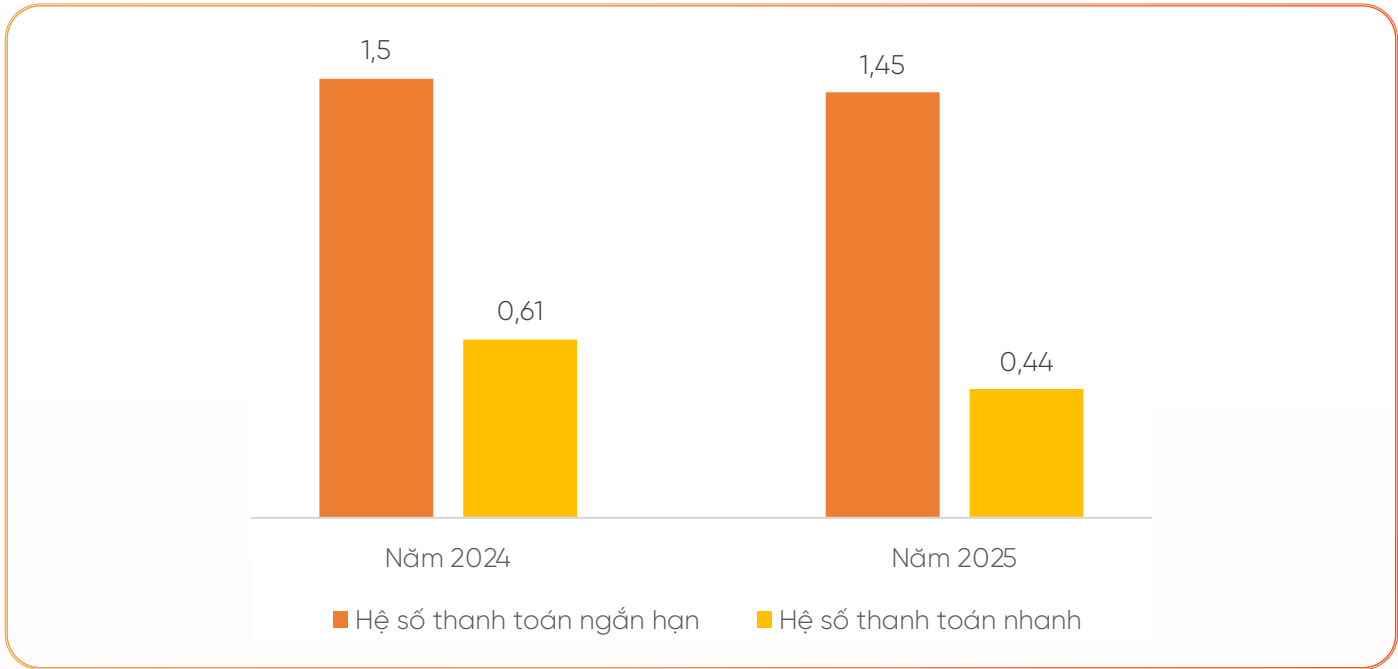


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

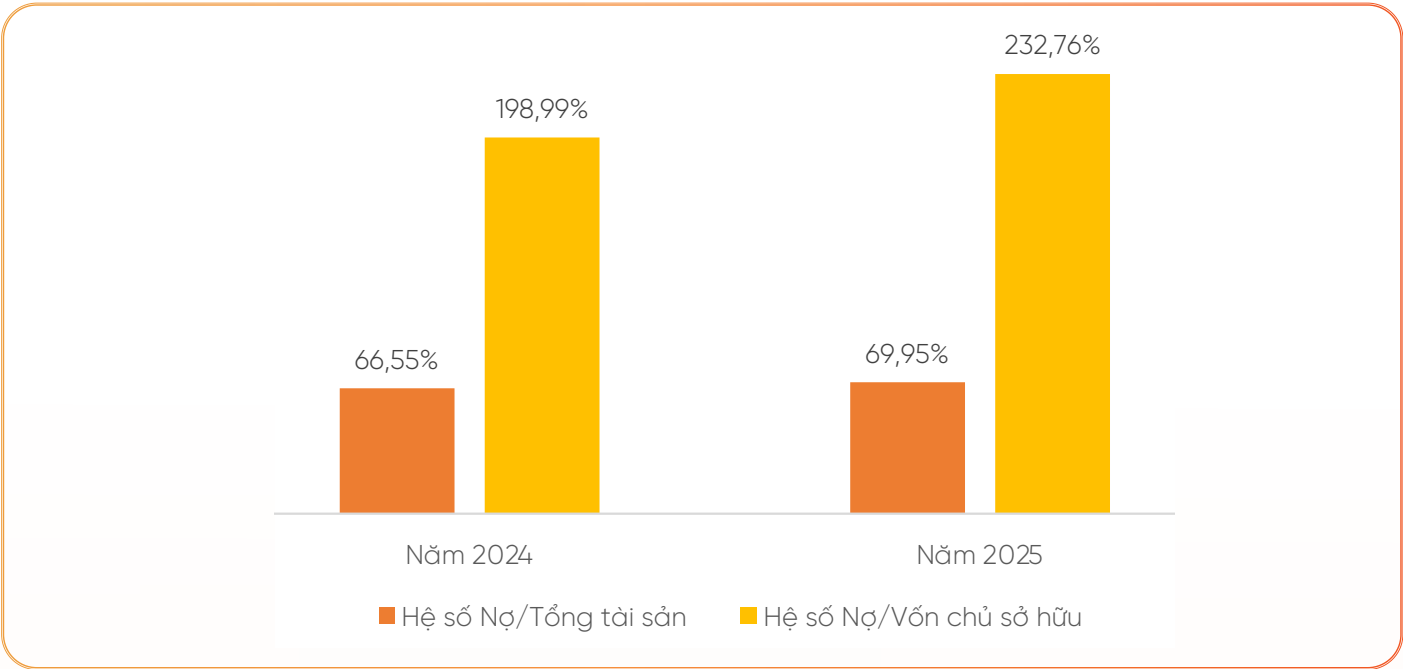
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



Năm 2025, Công ty vẫn duy trì khả năng thanh toán ngắn hạn ở mức phù hợp, với hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,45 lần và hệ số thanh toán nhanh đạt 0,44 lần. So với năm trước, các chỉ số này giảm nhẹ trong bối cảnh Công ty tăng vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động phục vụ thu mua nguyên liệu, tổ chức sản xuất và đáp ứng tiến độ đơn hàng. Trong năm, cả tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều tăng; tuy nhiên, nợ ngắn hạn tăng (+30,08%) với tốc độ cao hơn tài sản ngắn hạn (+25,65%) nên hệ số thanh toán ngắn hạn giảm nhẹ.

Đối với tài sản ngắn hạn, Công ty đẩy mạnh mua và dự trữ nguyên vật liệu đầu vào, trong đó có tôm nguyên liệu, nhằm bảo đảm tính chủ động cho hoạt động chế biến; đồng thời, khoản trả trước cho người bán ngắn hạn tăng lên (+108,24%) gắn với việc ứng trước cho mua sắm tài sản và triển khai một số hạng mục xây dựng cơ bản trong kỳ. Với nợ ngắn hạn, bên cạnh nhu cầu vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng 132,99% so với năm trước là một dấu hiệu tích cực, cho thấy Công ty tiếp tục mở rộng tệp khách hàng và gia tăng sản lượng tiêu thụ trong năm.

Nhìn chung, biến động các chỉ số thanh khoản trong năm chủ yếu gắn với định hướng ưu tiên nguồn lực cho hoạt động cốt lõi, đồng thời Công ty vẫn duy trì được khả năng thanh toán ngắn hạn ở mức ổn định.



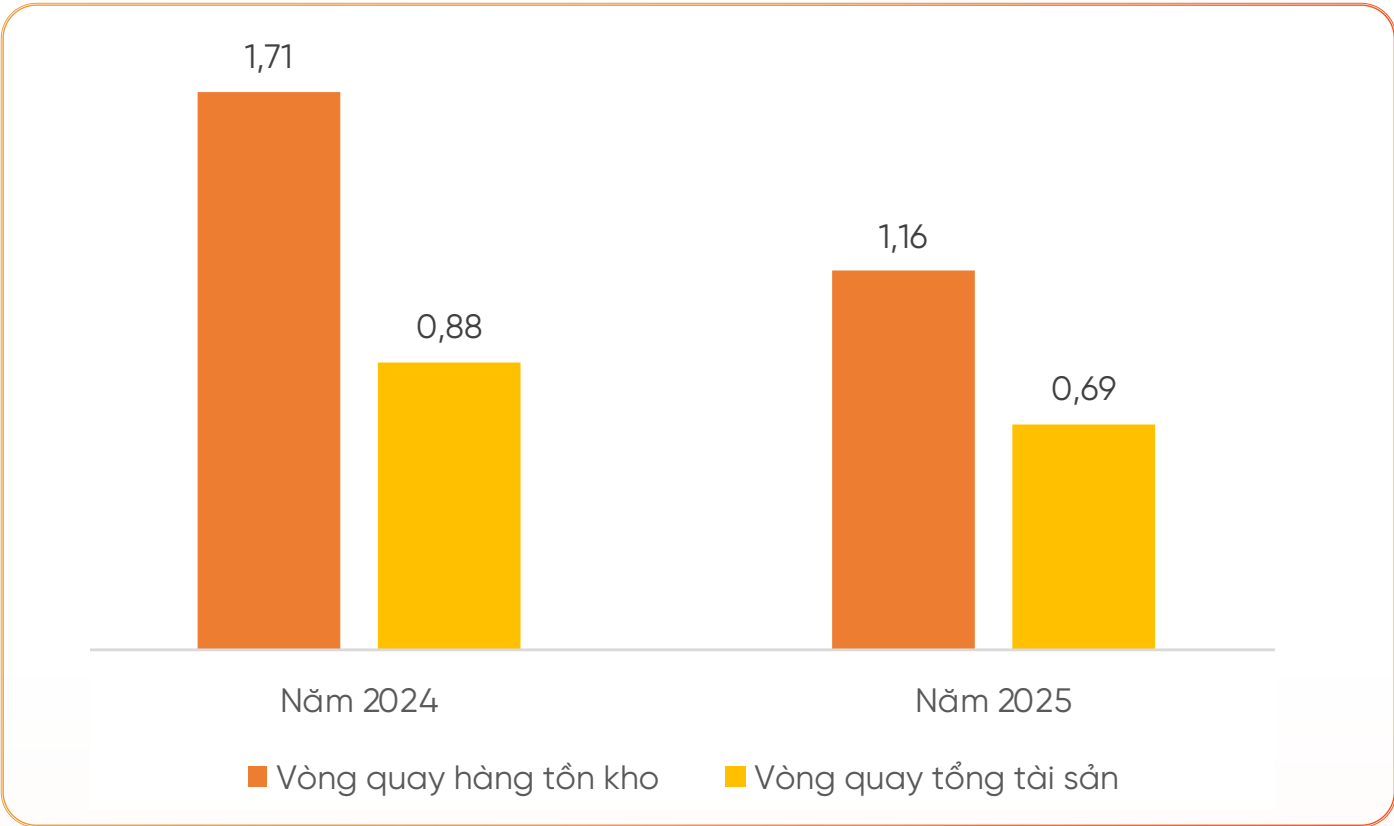
Trong năm 2025, cơ cấu nguồn vốn của Công ty có sự dịch chuyển theo hướng gia tăng tỷ trọng nợ phải trả, thể hiện qua hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 66,55% lên 69,95% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 198,99% lên 232,76%. Công ty, sử dụng nợ vay để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và phục vụ chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm, Công ty phát sinh thêm các khoản vay dài hạn, trong đó có khoản vay từ Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - SU MI TRUST để đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh và khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau nhằm phục vụ đầu tư xây dựng nhà máy Hùng Vương Bến Tre sản xuất cá fillet, qua đó làm quy mô nợ vay dài hạn tăng lên, phục vụ cho nhu cầu đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong khi đó, vốn chủ sở hữu vẫn được duy trì ổn định và tăng 7,05%, chủ yếu nhờ kết quả lợi nhuận giữ lại trong năm. Tuy nhiên, do tốc độ tăng của nợ phải trả cao hơn tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu, các chỉ tiêu đòn bẩy tài chính có xu hướng tăng lên.

Nhìn chung, diễn biến này cho thấy Công ty đang chủ động huy động thêm nguồn lực tài chính để mở rộng hoạt động, đồng thời vẫn duy trì được nền tảng vốn chủ sở hữu ở mức ổn định.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

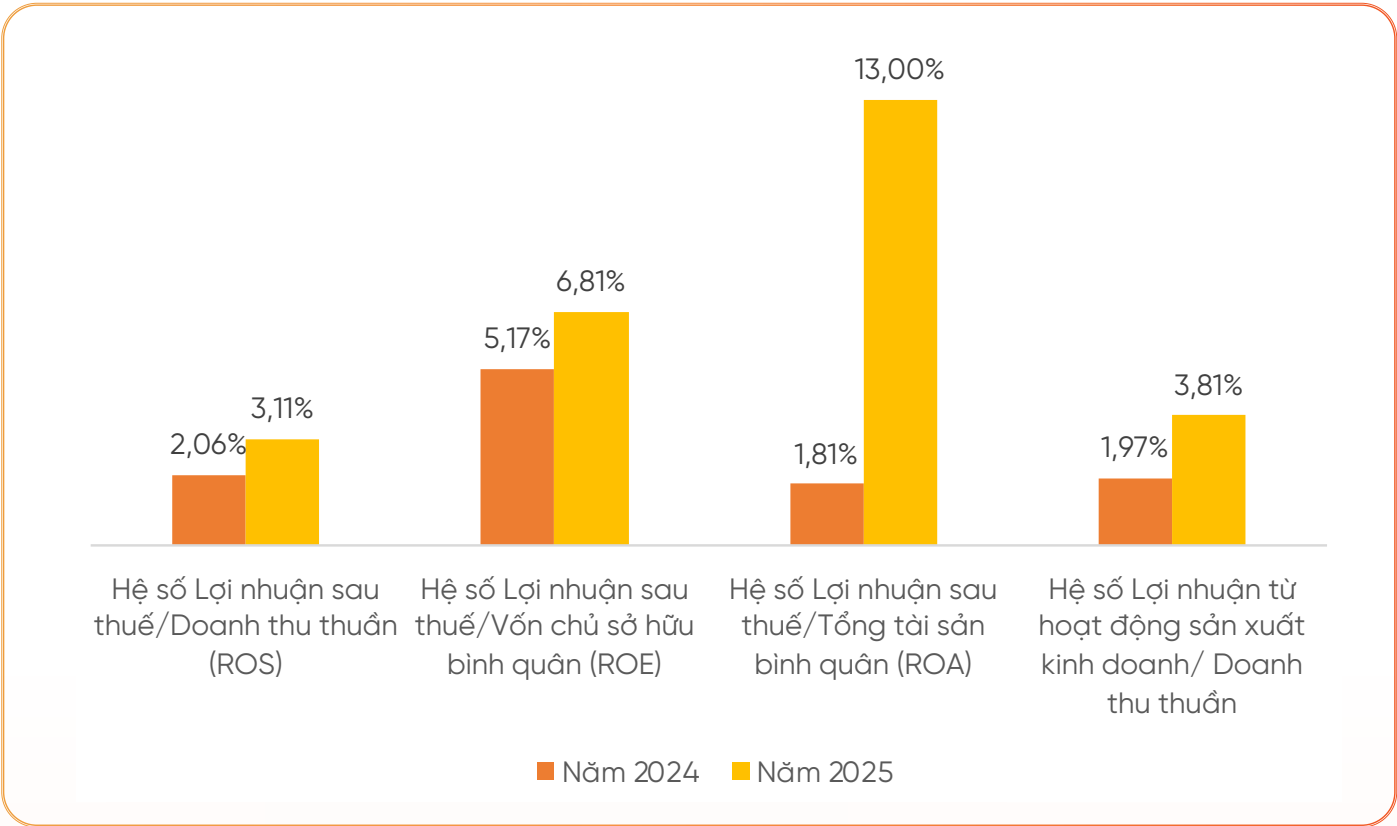
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Trong năm 2025, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của CMM giảm so với năm trước, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản và công tác quản trị hàng tồn kho chưa duy trì được đà cải thiện như giai đoạn trước. Trong năm, Công ty chủ động gia tăng dự trữ hàng tồn kho nhằm phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh để đảm bảo năng lực cung ứng nên dẫn đến Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 1,71 xuống 1,16 vòng. Tuy nhiên, với mức tăng tồn kho lớn cũng kéo theo áp lực vốn lưu động và làm suy giảm hiệu quả luân chuyển trong kỳ. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,88 xuống 0,69 vòng, cho thấy hiệu quả khai thác tài sản tạo doanh thu chưa theo kịp tốc độ mở rộng quy mô. Trong năm, tổng tài sản tăng 19,14% (tài sản ngắn hạn tăng 25,65%) và tài sản cố định tăng từ 487.764 triệu đồng lên 620.839 triệu đồng; tuy nhiên, doanh thu chưa tăng tương ứng trong ngắn hạn nên dẫn đến chỉ tiêu này có sự suy giảm.

Nhìn chung, các chỉ tiêu năng lực hoạt động giảm trong năm 2025 cho thấy CMM đang ở giai đoạn gia tăng tích lũy nguồn lực và mở rộng quy mô, đồng thời cần tiếp tục chú trọng tối ưu quản trị tồn kho và nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản nhằm cải thiện tốc độ luân chuyển vốn, nâng cao hiệu quả vận hành và tạo nền tảng bền vững cho tăng trưởng trong các kỳ tới.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Năm 2025, các chỉ tiêu khả năng sinh lời của CMM ghi nhận sự cải thiện tích cực trong bối cảnh ngành tôm Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tích cực và điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp chế biến sâu và xuất khẩu như CMM gia tăng sản lượng và cải thiện biên lợi nhuận.

Trong bối cảnh đó, Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần của Công ty tăng mạnh từ 1,97% lên 3,81%, phản ánh hiệu quả kiểm soát chi phí và cải thiện cơ cấu sản phẩm, đặc biệt khi Công ty đẩy mạnh chế biến giá trị gia tăng và tận dụng ưu đãi thuế quan từ các FTA như CPTPP và EVFTA. Đồng thời, ROS tăng từ 2,06% lên 3,11%, cho thấy khả năng chuyển hóa doanh thu thành lợi nhuận sau thuế được cải thiện rõ rệt. Bên cạnh đó, ROE tăng từ 5,17% lên 6,81% và ROA tăng từ 1,81% lên 2,15 %, dù tổng tài sản tăng 19,14% và vốn chủ sở hữu tăng 7,05% trong năm. Điều này cho thấy tốc độ tăng lợi nhuận cao hơn đáng kể so với tốc độ mở rộng quy mô tài sản và vốn, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn và tài sản được nâng cao.

Nhìn chung, năm 2025 đánh dấu bước cải thiện đáng kể về hiệu quả sinh lời của CMM, không chỉ nhờ sự thuận lợi của thị trường xuất khẩu mà còn đến từ chiến lược nâng cao giá trị sản phẩm, tận dụng hiệu quả các FTA và tối ưu vận hành. Đây cũng là nền tảng quan trọng để Công ty duy trì đà tăng trưởng bền vững trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng gia tăng.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu

» Tổng số cổ phiếu đã phát hành	: 97.899.998 cổ phiếu
» Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 97.899.998 cổ phiếu
» Số lượng cổ phiếu đang chuyển nhượng tự do	: 97.899.998 cổ phiếu
» Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
» Loại cổ phần	: cổ phiếu phổ thông
» Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

(Tính tại ngày 31/12/2025)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
I	Tỷ lệ sở hữu	97.899.998	978.999.980.000	100%
1	Cổ đông lớn	83.922.350	839.223.500.000	85,72%
2	Cổ đông nhỏ	13.977.648	139.776.480.000	14,28%
II	Đối tượng sở hữu	97.899.998	978.999.980.000	100%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	72.472.500	724.725.000.000	74,03%
3	Cổ đông cá nhân	25.427.498	254.274.980.000	25,97%
III	Phạm vi sở hữu	97.899.998	978.999.980.000	100%
1	Trong nước	97.899.998	978.999.980.000	100%
2	Nước ngoài	-	-	-

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	CTCP CAMIMEX Group	Số 333, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau	72.472.500	74,03%
2	Bùi Đức Dũng	Lô A, c/c 974A Trường Sa, phường Nhiêu Lộc, TP. Hồ Chí Minh	11.449.850	11,70%

tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Camimex là 0% (căn cứ theo Công văn số 3924/UBCK-PTTT ngày 23/06/2022 của UBCKNN).

Giao dịch cổ phiếu quỹ Không có

Các chứng khoán khác Không có



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ trước khi tăng thêm	Thực góp tăng thêm	Vốn điều lệ thực góp sau tăng vốn	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
I. Công ty TNHH					
06/2013		-	344.784.521.653	CTCP Chế biến thủy sản và XNK Cà Mau (hiện nay là Camimex Group): góp vốn bằng tài sản, tiền	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 06/06/2013
01/2017	344.784.521.653	70.215.478.347	415.000.000.000	CTCP Chế biến thủy sản và XNK Cà Mau (hiện nay là Camimex Group) góp vốn bằng công nợ (60,5 tỷ đồng) và chi phí xây dựng dở dang (hơn 9,665 tỷ đồng). Ông Bùi Sĩ Tuấn góp vốn bằng tiền mặt: 50 triệu đồng	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 13/01/2017
10/2018	415.000.000.000	1.800.000.000	416.800.000.000	CTCP Camimex Group góp vốn bằng tiền	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 24/10/2018
II. Công ty cổ phần					
02/2019	416.800.000.000	98.200.000.000	515.000.000.000	Chào bán riêng lẻ: 6.000.000 cổ phiếu; Phát hành thưởng cho cán bộ nhân viên: 3.820.000 cổ phiếu	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 14/02/2019
08/2019	515.000.000.000	40.000.000.000	555.000.000.000	Chào bán riêng lẻ: 4.000.000 cổ phiếu	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 08/08/2019
03/2020	555.000.000.000	25.000.000.000	580.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 2.500.000 cổ phiếu	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 30/03/2020
06/2020	580.000.000.000	50.000.000.000	630.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 5.000.000 cổ phiếu	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 11/06/2020
07/2023	630.000.000.000	314.999.980.000	944.999.980.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp, thay đổi lần thứ 14 ngày 01/08/2023
01/2024	944.999.980.000	34.000.000.000	978.999.980.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng: 3.400.000 cổ phiếu	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp, thay đổi lần thứ 15 ngày 15/05/2024



Tác động lên môi trường

Nuôi trồng thủy sản là một trong những ngành giữ vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam, vừa tạo giá trị kinh tế vừa mang lại việc làm cho người dân vùng nông thôn. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất này đồng thời phát sinh nhiều tác động tiêu cực đến môi trường, đặc biệt là lượng khí nhà kính (GHG) thải ra, góp phần làm trầm trọng thêm tình trạng nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu.

Bên cạnh áp lực về phát thải, việc sử dụng hóa chất và kháng sinh trong quá trình nuôi nhằm phòng và trị bệnh cũng tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học. Khi quy mô sản xuất mở rộng, nhu cầu tiêu thụ điện năng cho các thiết bị như máy bơm, máy sục khí, quạt nước... cùng với nhiên liệu phục vụ vận chuyển

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty đã chủ động triển khai nhiều sáng kiến nhằm cắt giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Công ty đồng thời thường xuyên thực hiện đánh giá tác động môi trường và đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý môi trường ở cả cấp địa phương lẫn quốc tế.

Mỗi năm, Công ty tiến hành bốn đợt quan trắc môi trường, theo dõi chất lượng nước, khí thải và chất thải rắn theo các Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) để đảm bảo mọi chỉ tiêu đều nằm trong mức an toàn. Song song đó, CAMIMEX còn thực hiện hàng loạt giải pháp như tối ưu hóa nhu cầu sử dụng năng lượng, đầu tư hệ thống xử lý nước thải thế hệ mới, ứng dụng năng lượng tái tạo và chuyển đổi sang công nghệ sản xuất tiết kiệm điện, từ đó góp phần làm giảm đáng kể lượng CO₂ phát sinh.

Nhờ triển khai đồng bộ các biện pháp trên, CMM không chỉ bảo đảm tuân thủ mọi yêu cầu về môi trường mà còn từng bước xây dựng mô hình nuôi trồng xanh, giảm các tác động bất lợi lên hệ sinh thái, đồng thời củng cố uy tín và tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

tăng mạnh, kéo theo lượng phát thải CO₂, CH₄ và N₂O gia tăng đáng kể. Nhận thức rõ những rủi ro môi trường này, Công ty luôn chủ động triển khai các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu phát thải, nhằm duy trì hoạt động sản xuất hiệu quả đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường.

Hệ số phát thải CO₂: 15.598 tấn CO₂/MWh

Qui đổi hệ số phát thải đối với điện lưới: 0,7221



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN *môi trường và xã hội* CỦA CÔNG TY

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tiêu thụ năng lượng

Để nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, CAMIMEX đã và đang triển khai nhiều giải pháp quan trọng, bao gồm:

- » Mở rộng quy mô nhà máy và ứng dụng công nghệ hiện đại từ Mỹ, Nhật Bản và châu Âu. Việc áp dụng các công nghệ tiên tiến này giúp tối ưu hiệu suất vận hành, giảm lượng nhiên liệu và điện năng tiêu thụ, qua đó cải thiện hiệu quả sản xuất và giảm chi phí hoạt động.
- » Trang bị hệ thống truyền động tiết kiệm năng lượng cho máy móc, qua đó hạn chế tối đa mức tiêu hao nhiên liệu trong quá trình vận hành.
- » Lắp đặt biến tần cho các động cơ, cho phép điều chỉnh tốc độ máy theo nhu cầu thực tế, tránh việc tiêu thụ điện quá mức.
- » Sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng, như hệ thống chiếu sáng LED, nồi hơi tiết kiệm nhiên liệu, máy nén khí hiệu suất cao và các giải pháp tự động hóa trong sản xuất. Những cải tiến này đã góp phần giảm mạnh lượng điện năng sử dụng của Công ty.

Năng lượng điện tiêu thụ trong năm: 21.752.293 kWh

Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

CAMIMEX đã triển khai nhiều giải pháp hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm phát thải và tối ưu hóa hoạt động sản xuất. Trong giai đoạn chế biến và lưu kho tôm thành phẩm, Công ty chủ động áp dụng một loạt biện pháp sau:

Tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo: Công ty đã lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại các nhà máy và khu vực nuôi tôm để khai thác nguồn năng lượng xanh, qua đó giảm sự phụ thuộc vào điện lưới. Đồng thời, CAMIMEX cũng xem xét khả năng ứng dụng điện gió và biogas từ chất thải hữu cơ nhằm tạo nguồn năng lượng sạch và bền vững hơn.

Tối ưu hệ thống chiếu sáng và điều hòa: Đèn LED tiết kiệm điện cùng cảm biến tự động được đưa vào sử dụng nhằm kiểm soát ánh sáng trong nhà máy một cách linh hoạt, giảm thiểu điện năng tiêu thụ cho các khu vực ít sử dụng.



Ứng dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng trong nuôi trồng: Các loại máy sục khí hiệu suất cao, quạt nước tiết kiệm điện và hệ thống bơm nước cải tiến giúp tối ưu lượng nước sử dụng, đồng thời vẫn duy trì điều kiện ao nuôi ổn định và phù hợp.

Lựa chọn giống thủy sản có khả năng thích nghi tốt: Việc sử dụng các giống tôm khỏe, thích nghi nhanh giúp giảm nhu cầu vận hành các hệ thống tiêu tốn nhiều năng lượng như bơm nước và sục khí. Điều này cũng góp phần hạn chế sử dụng thức ăn và thuốc thú y, từ đó giảm lượng khí nhà kính phát sinh.

Quản lý và xử lý chất thải hiệu quả: Công ty áp dụng công nghệ xử lý chất thải hữu cơ bằng phương pháp sinh học, kết hợp hệ thống cho ăn tự động giúp kiểm soát lượng thức ăn đưa vào ao, hạn chế ô nhiễm và tránh lãng phí. Năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió và biogas tiếp tục được khai thác nhằm tạo thêm nguồn năng lượng phục vụ sản xuất.



Tiêu thụ nước

Trong suốt quá trình sản xuất, Công ty luôn duy trì cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan đến việc sử dụng và tiêu thụ nước. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Công ty đều được đưa vào hệ thống xử lý hiện đại trước khi thải ra môi trường, đảm bảo không gây ra bất kỳ nguy cơ ô nhiễm nào. Hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng và nhận được đánh giá tích cực từ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Bên cạnh đó, Công ty đã áp dụng công nghệ chế biến tôm tiên tiến của Nhật Bản, trong đó quy trình lắng được sử dụng để nâng cao hiệu quả xử lý và cho phép tái sử dụng nước ở các công đoạn sản xuất tiếp theo. Việc ứng dụng công nghệ này không chỉ tăng cường khả năng xử lý nước mà còn giúp giảm chi phí sản xuất, đóng góp vào hiệu quả kinh tế lâu dài và bền vững.

Tổng lượng nước tiêu thụ: 443.112 m³

Các biện pháp xử lý chất thải

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và đã triển khai nhiều biện pháp xử lý chất thải hiện đại trong toàn bộ hoạt động sản xuất - kinh doanh. Đồng thời, quản lý chất thải theo chu trình khép kín, bao gồm các bước giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng và xử lý, nhằm đảm bảo không gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Song song đó, tiếp tục đầu tư vào công nghệ xanh để giảm khí thải, tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu quả của quy trình sản xuất. Công ty còn tổ chức các khóa đào tạo nội bộ nhằm nâng cao nhận thức của nhân viên về bảo vệ môi trường, giúp mọi hoạt động được thực hiện theo hướng bền vững và gắn liền với trách nhiệm xã hội.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (Tiếp theo)

Tác động liên quan đến xã hội và cộng đồng

Chính sách liên quan đến người lao động



Số lượng lao động và thu nhập bình quân người lao động

Tổng số cán bộ công nhân lao động toàn công ty: **1.507** người

Thu nhập bình quân đạt: **9.000.000** đồng/ người/ tháng

Chính sách lao động đảm bảo phúc lợi của người lao động

01 Đảm bảo an toàn và sức khỏe người lao động

Nhà máy được đầu tư hệ thống kiểm soát và xử lý độ ẩm đạt tiêu chuẩn, bảo đảm môi trường sản xuất luôn khô thoáng, sạch sẽ và phù hợp với yêu cầu chế biến. Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ theo quy định nhằm đảm bảo an toàn trong suốt quá trình làm việc. Bên cạnh đó, khu vực văn phòng luôn được duy trì điều kiện vệ sinh tốt, đồng thời trang bị đầy đủ máy móc và thiết bị hiện đại, đáp ứng hiệu quả yêu cầu công việc và hoạt động quản lý.

02 Chính sách khen thưởng

Công ty xây dựng cơ chế khen thưởng rõ ràng, công bằng và minh bạch, trong đó thực hiện chế độ thưởng hàng năm dành cho cá nhân và tập thể đạt thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, Công ty còn có chính sách khen thưởng đặc biệt đối với các sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật và nâng cao hiệu quả công việc, qua đó khuyến khích tinh thần sáng tạo, đổi mới và đóng góp tích cực vào sự phát triển của doanh nghiệp.



03 Chính sách khen thưởng và khuyến khích

Công ty xây dựng cơ chế khen thưởng rõ ràng, công bằng và minh bạch, trong đó thực hiện chế độ thưởng hàng năm dành cho cá nhân và tập thể đạt thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, Công ty còn có chính sách khen thưởng đặc biệt đối với các sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật và nâng cao hiệu quả công việc, qua đó khuyến khích tinh thần sáng tạo, đổi mới và đóng góp tích cực vào sự phát triển của doanh nghiệp.

04 Hỗ trợ và phát triển nhân sự

Bên cạnh việc đầu tư vào điều kiện làm việc, Công ty ưu tiên chuẩn hóa môi trường vận hành theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại, bảo đảm trang thiết bị và quy trình đáp ứng yêu cầu công việc. Song song đó, các hoạt động khuyến khích đổi mới, cải tiến và nâng cao kỹ năng được triển khai nhằm thúc đẩy tinh thần sáng tạo, gia tăng hiệu suất và chất lượng lao động. Bên cạnh yếu tố công việc, Công ty cũng quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ nhân viên và gia đình thông qua các chính sách phúc lợi, chăm lo nội bộ và hoạt động gắn kết, góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững, nhân văn và đồng hành cùng sự phát triển lâu dài của Công ty.

Hoạt động đào tạo người lao động

Để đáp ứng yêu cầu chuyên môn của từng bộ phận và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty thường xuyên triển khai các chương trình đào tạo nội bộ. Các khóa đào tạo được thiết kế phù hợp với thực tiễn hoạt động, giúp nhân viên nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, cập nhật xu hướng mới của ngành và thông qua đó cũng tạo cơ hội góp phần củng cố sự gắn kết giữa các đồng nghiệp.

Song song với công tác đào tạo, Công ty triển khai đánh giá năng lực định kỳ hàng năm dựa trên khung năng lực. Quá trình đánh giá được thực hiện một cách hệ thống, từ việc xác định tiêu chí và mục tiêu đánh giá, lựa chọn phương thức phù hợp, tổng hợp và phân tích dữ liệu, đến trao đổi phản hồi trực tiếp với từng nhân viên. Thông qua đó, Công ty có thể nhìn nhận khách quan năng lực thực tế của từng cá nhân, làm nền tảng cho việc xây dựng lộ trình phát triển, sắp xếp vị trí công việc phù hợp và nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực. Việc đầu tư có hệ thống vào đào tạo và đánh giá năng lực không chỉ góp phần tối ưu chi phí tuyển dụng mà còn hình thành môi trường làm việc gắn kết, khuyến khích tinh thần học hỏi liên tục và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (Tiếp theo)



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương

Cùng với định hướng mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty vẫn luôn theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững thông qua các hoạt động trách nhiệm xã hội gắn với cộng đồng địa phương. Để đạt được mục tiêu này, Công ty hướng đến các hoạt động cụ thể như sau:

- » Chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh bằng việc đảm bảo điều kiện lao động phù hợp, trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ và thực hiện nghiêm các quy định về an toàn, vệ sinh lao động nhằm bảo vệ sức khỏe, hạn chế rủi ro cho người lao động.
- » Công ty luôn đặt việc chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất -kinh doanh lên hàng đầu, bảo đảm các quy trình vận hành được thực hiện minh bạch, đúng quy định của cơ quan quản lý Nhà nước. Đồng thời, tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và thực hiện công bố thông tin theo quy định, qua đó nâng cao tính liêm chính, củng cố niềm tin của đối tác và cổ đông, và khẳng định cam kết kinh doanh có trách nhiệm, bền vững.
- » Công ty chủ động phối hợp với ngư dân thông qua các chương trình hỗ trợ kỹ thuật nuôi trồng, hướng dẫn giám sát chất lượng nước và quản lý ao nuôi theo quy trình bền vững. Chia sẻ kinh nghiệm thực hành tốt, khuyến khích áp dụng giải pháp giảm tác động môi trường và nâng cao truy xuất nguồn gốc, giúp người nuôi cải thiện chất lượng nguyên liệu, ổn định sản lượng và gia tăng hiệu quả kinh tế. Các hoạt động này góp phần hình thành chuỗi cung ứng nguyên liệu an toàn, thân thiện với môi trường, tạo nền tảng cho sự phát triển dài hạn của cộng đồng và ngành thủy sản địa phương.

Thông qua những hoạt động này, Công ty kỳ vọng mang lại những đóng góp thiết thực vào phát triển kinh tế -xã hội địa phương, nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng và hỗ trợ sự phát triển bền vững của ngành thủy sản.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Hiện tại, công ty chưa có các hoạt động về thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, CAMIMEX luôn theo dõi sát các thông tin liên quan và sẵn sàng tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.





03

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2025

Trong năm 2025, tổng doanh thu của Công ty đạt 2.520 tỷ đồng, chưa đạt kế hoạch năm đề ra. Bên cạnh đó, lợi nhuận trước thuế đạt 97.2 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 77.5 tỷ đồng, đều chưa hoàn thành kế hoạch năm 2025. Kết quả này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm vẫn chịu ảnh hưởng nhất định từ diễn biến thị trường và áp lực chi phí. Tuy nhiên, Công ty đã chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung kiểm soát giá vốn, chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành nhằm hạn chế tác động bất lợi đến kết quả thực hiện kế hoạch. Nhìn chung, mặc dù các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận chưa đạt như kỳ vọng, kết quả thực hiện trong năm vẫn phản ánh nỗ lực thích ứng của Công ty trước bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, đồng thời tạo cơ sở để tiếp tục củng cố hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH 2025/ KH 2025	% Tăng/ giảm TH2025/ TH2024
Tổng doanh thu	2.648.137	2.762.000	2.520.084	91,24%	-5,77%
Lợi nhuận trước thuế	74.414	115.500	97.217	84,17%	30,64%
Lợi nhuận sau thuế	54.535	96.680	77.509	80,17%	42,13%



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ VỊ THẾ CẠNH TRANH

Điểm mạnh

Thương hiệu và nền tảng hệ sinh thái vững mạnh

Công ty được kế thừa giá trị thương hiệu và kinh nghiệm hoạt động lâu năm của Công ty mẹ là CAMIMEX Group, doanh nghiệp sở hữu chuỗi giá trị khép kín trong ngành tôm, từ sản xuất con giống, nuôi trồng đến chế biến và xuất khẩu. Lợi thế về hệ sinh thái hoàn chỉnh giúp Công ty chủ động trong kiểm soát chất lượng, tối ưu chi phí và duy trì tính ổn định trong sản xuất, qua đó tạo nền tảng cạnh tranh bền vững trên thị trường.

Đội ngũ lãnh đạo

Ban điều hành của Công ty là những thành viên đã đồng hành từ những ngày đầu thành lập, nên có sự am hiểu sâu về đặc thù ngành tôm và thị trường xuất khẩu. Kinh nghiệm tích lũy qua nhiều chu kỳ biến động của ngành giúp Công ty giữ vững chiến lược phát triển dài hạn, linh hoạt thích ứng với thay đổi của thị trường và đảm bảo hiệu quả vận hành.

Chất lượng nhân sự

Công ty đặt nhiều tâm huyết trong việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và đề cao sự hợp tác nội bộ, qua đó thu hút và duy trì đội ngũ nhân sự có chuyên môn và tay nghề cao. Công tác đào tạo được triển khai thường xuyên, kết hợp với văn hóa lắng nghe và cải tiến liên tục, từ đó tạo động lực để người lao động phát huy năng lực và đồng hành cùng sự phát triển của Công ty.

Khả năng chủ động nguồn nguyên liệu cao

Công ty có tỷ lệ thu mua nguyên liệu trong nước chiếm trên 90%, tập trung tại các vùng nuôi trọng điểm như Cà Mau, Bạc Liêu... Việc đặt cơ sở hoạt động gần nguồn cung giúp Công ty kiểm soát tốt chất lượng đầu vào, xây dựng mạng lưới đại lý tin cậy và hạn chế rủi ro từ biến động giá nguyên liệu nhập khẩu, đồng thời đảm bảo tính ổn định cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu.

Điểm yếu

Đòn bẩy tài chính cao

Do đặc điểm của ngành nuôi trồng và chế biến tôm mang tính thời vụ, Công ty cần nguồn vốn lưu động lớn để thu mua và dự trữ nguyên liệu trong từng giai đoạn cao điểm, từ đó làm gia tăng tỷ trọng vay ngắn hạn trong cơ cấu nguồn vốn. Việc sử dụng đáng kể nguồn vốn vay ngắn hạn có thể tạo áp lực nhất định về thanh khoản và chi phí tài chính, nhất là khi thị trường diễn biến bất lợi hoặc thời gian thu hồi công nợ kéo dài hơn dự kiến.

Khả năng cạnh tranh hạn chế

So với một số doanh nghiệp có quy mô lớn, bề dày hoạt động lâu năm và lợi thế về công nghệ chế biến sâu, Công ty vẫn đối mặt với thách thức trong việc cạnh tranh trực tiếp ở một số phân khúc thị trường. Với quy mô còn đang trong giai đoạn mở rộng, Công ty cần tiếp tục đầu tư vào nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu quy trình sản xuất và gia tăng hàm lượng giá trị gia tăng nhằm củng cố vị thế và từng bước thu hẹp khoảng cách với các doanh nghiệp dẫn đầu.

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Tiếp theo)

Cơ hội

Tăng trưởng từ thị trường

Năm 2025, xuất khẩu tôm Việt Nam duy trì tăng trưởng tích cực (tăng 19% so với 2024 theo VASEP), cho thấy nhu cầu tại các thị trường chủ lực vẫn ổn định. Đây là cơ hội để CMM gia tăng sản lượng, tận dụng các đơn hàng phức hồi, đồng thời đẩy mạnh các dòng sản phẩm giá trị gia tăng nhằm nâng biên lợi nhuận trong bối cảnh cạnh tranh nguồn cung quốc tế ngày càng gay gắt.

Lợi thế từ EVFTA và xu hướng tiêu dùng xanh

EVFTA tiếp tục tạo lợi thế quan trọng khi nhiều sản phẩm tôm Việt Nam được hưởng ưu đãi thuế quan, điều này cũng đã giúp CMM cải thiện sức cạnh tranh tại EU - vốn là thị trường yêu cầu cao về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tính bền vững. Việc củng cố hiện diện tại thị trường khó tính này không chỉ hỗ trợ tăng trưởng xuất khẩu mà còn góp phần nâng tầm uy tín thương hiệu, mở rộng cơ hội hợp tác với các nhà nhập khẩu quốc tế.

Chính sách hỗ trợ từ Nhà nước

Là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực, nên được hưởng các chính sách hỗ trợ như chương trình phát triển vùng nuôi, nâng cao chất lượng con giống, khuyến khích sản xuất bền vững và các chính sách tín dụng, các chương trình hỗ trợ như giảm lãi suất vay vốn, hỗ trợ nông dân phát triển vùng nuôi, hay các chính sách khuyến khích xuất khẩu. Những yếu tố này tạo điều kiện để CMM ổn định nguồn nguyên liệu, giảm áp lực chi phí đầu vào và nâng cao khả năng đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của thị trường quốc tế.

Lợi thế sản xuất nội địa và lao động lành nghề

Việt Nam có lực lượng lao động giàu kinh nghiệm trong chế biến thủy sản, đặc biệt ở nhóm sản phẩm tôm chế biến sâu. CMM có thể khai thác lợi thế này để phát triển các dòng sản phẩm giá trị gia tăng (tôm tẩm bột, tôm tẩm gia vị, tôm hấp/luộc đông lạnh...), qua đó gia tăng giá trị xuất khẩu và cải thiện biên lợi nhuận, phù hợp xu hướng tiêu dùng tiện lợi tại các thị trường thu nhập cao.

Điều kiện nuôi trồng tự nhiên thuận lợi

Trung tâm nuôi tôm lớn nhất cả nước - nơi CMM đặt nhà máy và vùng nuôi - có nguồn tôm nguyên liệu dồi dào nhờ điều kiện tự nhiên lý tưởng: hệ thống sông ngòi rộng lớn, phù sa từ sông Mê Kông và môi trường nuôi trồng ổn định. Yếu tố này giúp Công ty đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu vào, hạn chế rủi ro về biến động giá và tối ưu chi phí vận chuyển, qua đó hỗ trợ tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

Điều kiện tự nhiên thuận lợi tại vùng nguyên liệu trọng điểm

Vị trí của CMM được đặt tại vùng nuôi tôm trọng điểm của cả nước và gắn liền với khu vực phát triển nguyên liệu, nơi có nguồn cung dồi dào nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi như hệ thống sông ngòi phong phú, phù sa sông Mê Kông và môi trường nuôi tương đối ổn định. Nhờ đó, Công ty có thể chủ động nguồn nguyên liệu, tăng cường kiểm soát chất lượng đầu vào, hạn chế rủi ro biến động giá, đồng thời tối ưu chi phí thu mua và logistics, qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất -kinh doanh.

Thách thức

Hạn chế nguồn vốn

Mặc dù tín dụng cho lĩnh vực thủy sản đã có những cải thiện nhất định, nhưng việc triển khai các mô hình cho vay theo chuỗi giá trị vẫn gặp nhiều vướng mắc. Ngành tôm cần lượng vốn lưu động rất lớn để duy trì thu mua và sản xuất, trong khi hạn mức tín dụng ngân hàng còn hạn chế. Bên cạnh đó, số lượng doanh nghiệp có đủ năng lực tài chính để đóng vai trò dẫn dắt chuỗi liên kết vẫn chưa nhiều, làm giảm hiệu quả huy động vốn và tính kết nối trong toàn ngành.

Cạnh tranh gay gắt từ các nước khác

Ngành tôm Việt Nam hiện nay đang có lợi thế ở phân khúc sản phẩm chế biến sâu vì có tay nghề tỉ mỉ và đa dạng các loại sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng ở các nước phương Tây, Nhật Bản. Tuy nhiên, hiện nay đối thủ lớn nhất của nước ta chính là Ecuador cũng đang đầu tư vào hệ thống sản xuất các loại sản phẩm tôm giá trị gia tăng này, khiến vị trí dẫn đầu về mặt hàng này của Việt Nam có thể sẽ bị đe dọa trong tương lai.

Mặc dù Việt Nam có lợi thế về sản phẩm tôm chế biến sâu nhờ tay nghề và sự đa dạng trong chế biến, song Ecuador, Thái Lan và Ấn Độ - đối thủ lớn trên thị trường - đang đầu tư mạnh vào phân khúc sản phẩm giá trị gia tăng. Sự chuyển dịch này có thể thu hẹp lợi thế của Việt Nam trong tương lai. Đồng thời, cạnh tranh về giá cũng ngày càng quyết liệt do các nước khác có chi phí nuôi trồng thấp hơn.

Sức ép từ phòng vệ thương mại

Ngành tôm Việt Nam đang chịu áp lực lớn từ việc các thị trường nhập khẩu tăng cường áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại như chống bán phá giá, chống trợ cấp và các yêu cầu nghiêm ngặt về truy xuất nguồn gốc. Theo thông tin từ Cục Phòng vệ thương mại trong năm 2025, Việt Nam đã đối mặt với 298 vụ việc điều tra phòng vệ thương mại, trong đó Hoa Kỳ chiếm tỷ trọng lớn. Bên cạnh đó, việc Việt Nam chưa được công nhận là nền kinh tế thị trường cũng khiến mức thuế áp dụng trong các vụ kiện có thể cao hơn, làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm tôm tại các thị trường chủ lực. Các biện pháp bảo hộ ngày càng gia tăng không chỉ đẩy chi phí tuân thủ lên cao mà còn làm gia tăng rủi ro pháp lý, gây ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng mở rộng thị trường và duy trì tăng trưởng xuất khẩu của doanh nghiệp.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

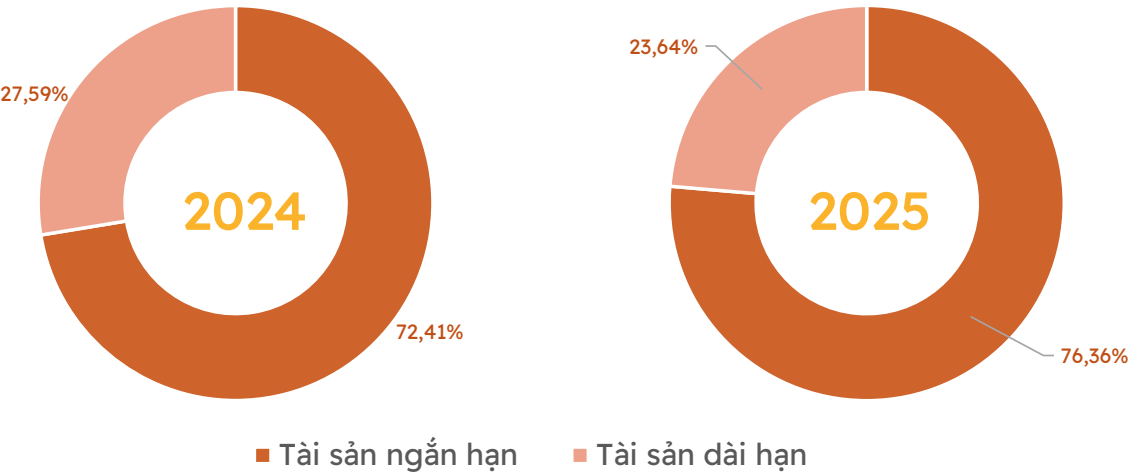
Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		%Tăng/ Giảm 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	2.379.686	72,41%	2.989.990	76,36%	25,65%
Tài sản dài hạn	906.709	27,59%	925.561	23,64%	2,08%
Tổng tài sản	3.286.395	100%	3.915.551	100%	19,14%

Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 3.915.551 triệu đồng, tăng 19,14% so với cuối năm 2024. Cơ cấu tài sản trong năm có sự dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn, từ 72,41% lên 76,36% tổng tài sản. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 2.989.990 triệu đồng, tăng 25,65%, chủ yếu tập trung ở hàng tồn kho và các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn. Trong năm, Công ty thực hiện mua nguyên vật liệu đầu vào, trong đó có tôm nguyên liệu, đồng thời thực hiện một số khoản ứng trước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Bên cạnh đó, đầu tư tài chính ngắn hạn cũng tăng, cho thấy Công ty linh hoạt hơn trong việc sử dụng dòng vốn ngắn hạn.

Đối với tài sản dài hạn, giá trị ghi nhận tại thời điểm cuối năm đạt 925.561 triệu đồng, tăng nhẹ 2,08% so với cuối năm 2024, trong năm Công ty vẫn tiếp tục duy trì đầu tư vào tài sản cố định nhằm nâng cao năng lực vận hành để tối ưu hoá hiệu suất sản xuất. Đồng thời, chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm đáng kể cho thấy một số hạng mục đầu tư đã từng bước được hoàn thành và chuyển sang trạng thái đưa vào sử dụng, qua đó góp phần củng cố thêm nền tảng tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, một số khoản mục như đầu tư tài chính dài hạn và chi phí trả trước dài hạn cũng tăng lên trong năm, cho thấy Công ty vẫn tiếp tục duy trì sự chuẩn bị cần thiết cho nhu cầu hoạt động và định hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Nhìn chung, quy mô tài sản của Công ty tiếp tục được mở rộng, trong đó nguồn lực được phân bổ nhiều hơn cho tài sản ngắn hạn nhằm bảo đảm đầu vào và phục vụ chu kỳ sản xuất kinh doanh, trong khi nền tảng tài sản dài hạn vẫn được duy trì và từng bước hoàn thiện. Sự dịch chuyển này phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất - chế biến của Công ty, đồng thời tạo cơ sở để duy trì năng lực vận hành và đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong thời gian tới.



Tình hình nợ phải trả

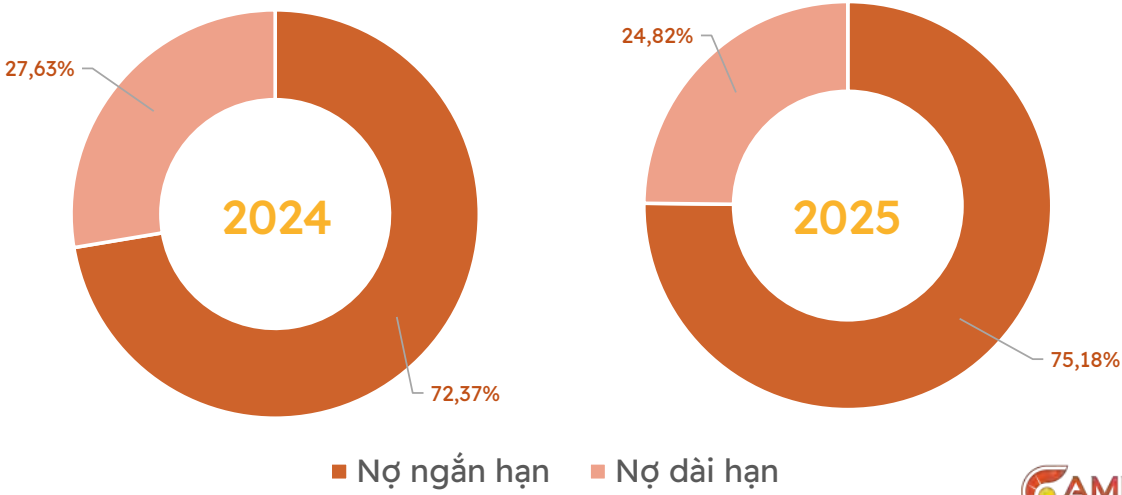
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		%Tăng/ Giảm 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	1.582.877	72,37%	2.058.956	75,18%	30,08%
Nợ dài hạn	604.347	27,63%	679.915	24,82%	12,50%
Nợ phải trả	2.187.224	100%	2.738.871	100%	25,22%

Tại ngày 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 2.738.871 triệu đồng, tăng 25,22% so với cuối năm 2024. Trong đó, nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu với giá trị đạt 2.058.956 triệu đồng, (+30,08%) và nâng tỷ trọng từ 72,37% lên 75,18% trên tổng nợ phải trả. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn và phải trả người bán ngắn hạn. Trong đó, người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng mạnh, gắn với việc phát sinh thêm các đơn hàng từ khách hàng mới cũng như gia tăng giá trị đơn hàng trong năm; đây đồng thời là tín hiệu cho thấy hoạt động tiêu thụ của Công ty vẫn được duy trì tích cực. Bên cạnh đó, phải trả người bán ngắn hạn cũng tăng đáng kể, chủ yếu phát sinh từ các giao dịch phục vụ đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với nhu cầu tăng cường nguồn lực đầu vào trong kỳ.

Đối với nợ dài hạn, giá trị ghi nhận tại thời điểm cuối năm đạt 679.915 triệu đồng, tăng 12,50% so với cuối năm 2024. Trong năm, Công ty phát sinh thêm các khoản vay dài hạn, trong đó có khoản vay từ Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau để đầu tư xây dựng nhà máy Hùng Vương Bến Tre sản xuất cá fillet. Từ đó dẫn đến quy mô nợ vay dài hạn tăng lên, đồng thời cho thấy Công ty đang chủ động huy động thêm nguồn lực tài chính để phục vụ nhu cầu đầu tư và mở rộng hoạt động.

Trong bối cảnh thị trường tôm năm 2025 có tín hiệu phục hồi, đồng thời yêu cầu về năng lực cạnh tranh và chủ động nguồn lực ngày càng cao, Công ty đã tăng cường huy động thêm nguồn vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong kỳ. Cùng với đó, kết quả lợi nhuận tăng trưởng tiếp tục hỗ trợ củng cố nền tảng vốn chủ sở hữu. Nhìn chung, sự gia tăng nợ phải trả trong năm chủ yếu gắn với nhu cầu vốn cho hoạt động và đầu tư, đồng thời cơ cấu nợ vẫn được duy trì ở mức phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Chính sách giá cả

CAMIMEX triển khai chính sách giá theo hướng linh hoạt và bám sát thị trường, dựa trên nguyên tắc cân đối giữa chi phí đầu vào và giá bán sản phẩm ra thị trường. Trong bối cảnh ngành tôm năm 2025 chịu tác động đồng thời từ biến động nguyên liệu, chi phí logistics và áp lực cạnh tranh nguồn cung quốc tế, Công ty tăng cường theo dõi diễn biến giá nguyên liệu theo mùa vụ, cập nhật tỷ giá và chi phí vận chuyển, đồng thời rà soát định mức tiêu hao và hiệu suất từng công đoạn để tối ưu giá thành.

Đồng thời, Công ty ưu tiên các đơn hàng ổn định, sản phẩm chế biến sâu và thị trường có lợi thế thuế quan từ các FTA nhằm cải thiện biên lợi nhuận. Bảng giá được điều chỉnh định kỳ theo cung, cầu và chi phí thực tế, bảo đảm cân đối lợi ích giữa doanh nghiệp, đối tác và khách hàng, đồng thời hỗ trợ duy trì đơn hàng bền vững trong điều kiện thị trường biến động.



Chiến lược phát triển sản phẩm

Công ty tiếp tục duy trì và củng cố quan hệ hợp tác bền chặt với các nhà nhập khẩu và hệ thống phân phối tại các thị trường trọng điểm nhằm nắm bắt kịp thời xu hướng tiêu dùng và phát triển danh mục sản phẩm phù hợp với đặc thù từng khu vực. Các thị trường xuất khẩu chủ lực của CAMIMEX gồm Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản và Canada, trong đó châu Âu tiếp tục được xác định là thị trường trọng tâm nhờ mức tăng trưởng ổn định và lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do như EVFTA. Mặc dù chỉ chiếm khoảng 11% tổng tiêu thụ tôm toàn cầu, châu Âu vẫn là khu vực giàu tiềm năng với nhu cầu đa dạng và mức độ chấp nhận cao đối với các sản phẩm chế biến sâu, thân thiện môi trường.

Định hướng tập trung vào các thị trường có thu nhập cao như châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản và Canada giúp Công ty nâng cao vị thế thương hiệu tôm sinh thái chất lượng cao và gia tăng giá trị sản phẩm. Để đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc tại các thị trường này, Công ty tiếp tục đầu tư vào quy trình sản xuất bền vững, kiểm soát chất lượng chặt chẽ và duy trì các chứng nhận quốc tế như ASC, BRC... nhằm đảm bảo uy tín và năng lực cạnh tranh trong dài hạn.



Xúc tiến thương mại

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng và cạnh tranh quốc tế gia tăng, Công ty xác định việc củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu là một trong những định hướng phát triển trọng tâm. Công ty đẩy tận dụng các nền tảng công nghệ thông tin và truyền thông để tăng cường kết nối với khách hàng, đưa hình ảnh doanh nghiệp đến gần khách hàng hơn và nâng cao mức độ nhận diện tại các thị trường xuất khẩu chủ lực. Đồng thời, việc tham gia thường xuyên các hội chợ, triển lãm thủy sản quốc tế giúp Công ty duy trì quan hệ với đối tác hiện hữu, cập nhật xu hướng thị trường và mở rộng mạng lưới khách hàng tiềm năng.

Cùng đó, CAMIMEX chủ động khai thác hiệu quả các ưu đãi từ các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP... nhằm tận dụng lợi thế thuế quan và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm tôm trên thị trường quốc tế. Với định hướng phát triển sản phẩm linh hoạt, chú trọng chất lượng, truy xuất nguồn gốc và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, Công ty tiếp tục khẳng định vị thế thương hiệu tôm sinh thái và gia tăng uy tín trong chuỗi cung ứng thủy sản toàn cầu.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2026

Kế hoạch đầu tư của CAMIMEX trong năm 2026

STT	Chỉ tiêu	
1	Phần đầu mở rộng vùng nuôi tôm sinh thái	20.000 ha
2	Kho lạnh 6.000 tấn	Tổng mức đầu tư 175 tỷ đồng
3	Nuôi thủy sản công nghệ cao	Tổng mức đầu tư 400 tỷ đồng

Kế hoạch kinh doanh của CAMIMEX trong năm 2026

Với kỳ vọng về nhu cầu thị trường năm 2025 sẽ hồi phục nhờ vào triển vọng nền kinh tế tăng trưởng trở lại, đồng thời căn cứ vào lợi thế cạnh tranh, giá trị chất lượng sản phẩm và năng lực sản xuất, kế hoạch kinh doanh của Công ty được đề ra như sau:

STT	Chỉ tiêu kinh doanh	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.200
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	120
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	100

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

“ Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần CAMIMEX, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

Trách nhiệm và xã hội

CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững lên hàng đầu thông qua việc ứng dụng công nghệ hiện đại và quản lý tài nguyên một cách khoa học. CMM chủ động đầu tư vào dây chuyền sản xuất tiên tiến, tăng mức độ tự động hóa nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động, giảm chi phí và đồng thời hạn chế tác động đến môi trường. Việc trang bị các hệ thống truyền động và thiết bị công nghệ cao giúp tiết kiệm đáng kể điện năng và nhiên liệu, qua đó giảm lượng khí thải và bảo vệ chất lượng không khí. Đối với khía cạnh quản lý tài nguyên nước, Công ty triển khai các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm và giám sát chặt chẽ theo đúng quy định môi trường. Tất cả nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất đều được xử lý bằng công nghệ mới trước khi xả ra môi trường, đảm bảo đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của cơ quan quản lý. Điều này không chỉ làm giảm chi phí vận hành mà còn đóng góp tích cực vào việc bảo tồn nguồn nước.

Song song với các giải pháp công nghệ, Công ty tự hào là đơn vị tiên phong trong việc phát triển mô hình nuôi tôm sinh thái từ năm 2000. Mô hình này duy trì tỷ lệ che phủ rừng tự nhiên, đảm bảo sinh kế ổn định cho các hộ nuôi và tạo ra sản phẩm tôm đạt chuẩn quốc tế. Những nỗ lực này đã giúp công ty nhận được các chứng nhận uy tín như Naturland và IMO, củng cố vị thế là doanh nghiệp gắn liền với trách nhiệm môi trường và phát triển bền vững.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

01 CAMIMEX xem đội ngũ nhân sự là nền tảng cho sự phát triển lâu dài, vì vậy công ty luôn ưu tiên xây dựng môi trường làm việc an toàn, văn minh và giàu tính hỗ trợ. Bằng việc đầu tư vào hệ thống công nghệ hiện đại và các thiết bị bảo hộ đạt chuẩn, công ty bảo đảm người lao động được làm việc trong điều kiện khô ráo, sạch sẽ, hạn chế tối đa các rủi ro về tai nạn nghề nghiệp. Không gian văn phòng được duy trì ngăn nắp, cùng với máy móc phù hợp, giúp nâng cao hiệu suất và sự thoải mái cho nhân viên.

02 Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định về chế độ nghỉ lễ, nghỉ ốm và nghỉ thai sản, đồng thời xây dựng nhiều chương trình phúc lợi nhằm khuyến khích tinh thần làm việc. Các hình thức thưởng định kỳ và khen thưởng đột xuất dành cho tập thể và cá nhân có thành tích nổi bật thể hiện sự trân trọng của CAMIMEX đối với đóng góp của người lao động. Bên cạnh đó, các hoạt động chăm lo như tuyên dương thành tích học tập của con em cán bộ công nhân viên cũng góp phần tăng cường sự gắn kết nội bộ.

03 Song song với chính sách phúc lợi, công ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo chuyên môn, nâng cao kỹ năng và định hướng nghề nghiệp theo nhu cầu thực tế. Công tác đánh giá năng lực được triển khai định kỳ, giúp xây dựng lộ trình thăng tiến rõ ràng cho từng vị trí. Nhờ vậy, đội ngũ nhân sự không chỉ phát triển bền vững mà còn giúp công ty giảm thiểu chi phí tuyển dụng và duy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

Trách nhiệm và xã hội

CỦA CÔNG TY

(Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty xem trách nhiệm đối với cộng đồng là một yếu tố cốt lõi trong định hướng phát triển bền vững. Bên cạnh việc tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động và môi trường, công ty còn chủ động triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ thiết thực cho người dân địa phương, đặc biệt những hộ tham gia nuôi trồng thủy sản. Thông qua các chương trình đào tạo kỹ thuật, hướng dẫn quy trình nuôi trồng an toàn và các buổi truyền thông nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, Công ty giúp các hộ nuôi trồng tôm giống cải thiện kỹ năng sản xuất, nâng cao chất lượng con giống và sản phẩm đầu ra. Những hoạt động này không chỉ giúp tăng thu nhập cho ngư dân mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành thủy sản địa phương. Bên cạnh lĩnh vực chuyên môn, công ty còn tham gia vào nhiều sáng kiến xã hội như hỗ trợ giáo dục, cải thiện điều kiện sinh hoạt, cũng như tạo thêm cơ hội việc làm ổn định cho lao động địa phương. Những đóng góp này thể hiện cam kết dài hạn của Công ty trong việc đồng hành cùng cộng đồng, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội tại địa bàn hoạt động.





04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA CÔNG TY

HDQT đánh giá năm 2025 là năm Công ty vận hành trong bối cảnh thị trường xuất khẩu thủy sản nhiều biến động và mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt. Kết quả thực hiện cho thấy tổng doanh thu đạt 2.520.084 triệu đồng, giảm 4,84% so với năm 2024, phản ánh những khó khăn về sức mua và áp lực giá tại một số thị trường trong nửa cuối năm. Tuy nhiên, điểm nổi bật của năm 2025 là hiệu quả kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ khi lợi nhuận trước thuế đạt 97.217 triệu đồng đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 77.509 triệu đồng, vượt xa kế hoạch đề ra và tăng đột biến so với năm trước.

HDQT ghi nhận nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên trong việc điều hành linh hoạt, chủ động tái cơ cấu danh mục sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng chế biến sâu, tập trung các đơn hàng có biên lợi nhuận tốt, đồng thời kiểm soát chặt chi phí sản xuất và chi phí tài chính. Nhìn chung, dù doanh thu chưa đạt kế hoạch, kết quả lợi nhuận và chất lượng tăng trưởng trong năm 2025 cho thấy Công ty đã thích ứng kịp thời với thị trường, củng cố nền tảng tài chính và tạo tiền đề thuận lợi cho giai đoạn phát triển tiếp theo.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HDQT tiếp tục thực hiện đầy đủ vai trò định hướng và giám sát, bảo đảm hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc bám sát chiến lược và các nghị quyết đã được phê duyệt. Trên cơ sở đó, HDQT đánh giá:

- » Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai kế hoạch sản xuất - kinh doanh một cách chủ động và nhất quán, duy trì tính ổn định trong vận hành, đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho các mục tiêu phát triển trung và dài hạn của Công ty.
- » Về quản trị tài chính và tuân thủ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện nghiêm các nghĩa vụ báo cáo, đảm bảo lập và công bố báo cáo tài chính quý, bán niên và năm đúng quy định, đúng thời hạn. Việc cung cấp thông tin kịp thời và minh bạch tạo điều kiện để HDQT theo dõi sát tình hình hoạt động, đánh giá rủi ro và đưa ra các quyết định điều hành phù hợp. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc tổ chức thực thi các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và HDQT, bảo đảm tính thống nhất trong chỉ đạo và triển khai trên toàn hệ thống.
- » Trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, HDQT ghi nhận năng lực điều hành linh hoạt của Ban Tổng Giám đốc trong việc xử lý các vấn đề phát sinh, chủ động điều chỉnh hoạt động trong phạm vi thẩm quyền nhằm hạn chế gián đoạn sản xuất - kinh doanh. Khả năng thích ứng nhanh với diễn biến thị trường, tận dụng cơ hội phục hồi và điều chỉnh giải pháp kịp thời đã đóng góp đáng kể vào việc duy trì hiệu quả vận hành và mang lại kết quả tích cực cho Công ty trong năm 2025.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Chỉ tiêu kinh doanh	ĐVT	Kế hoạch chỉ tiêu 2026
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.200
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	120
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	100

Định hướng phát triển của Công ty

Trong định hướng phát triển những năm tới, CAMIMEX đặt mục tiêu củng cố nền tảng tăng trưởng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và tối ưu hóa toàn bộ chuỗi hoạt động. Các chiến lược trọng điểm được ưu tiên triển khai bao gồm:

» **Thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao trách nhiệm xã hội**

CMM tiếp tục xem phát triển bền vững là trụ cột trong chiến lược dài hạn. Công ty sẽ mở rộng các hoạt động bảo vệ môi trường, đẩy mạnh tuân thủ những tiêu chuẩn quốc tế về sản xuất sạch và bảo đảm an sinh cho người lao động. Song song đó, doanh nghiệp duy trì các chương trình hướng về cộng đồng địa phương, tạo ra những giá trị xã hội thiết thực và góp phần xây dựng hình ảnh một thương hiệu có trách nhiệm.

» **Tối ưu hóa tài nguyên và nâng cao hiệu quả sản xuất**

Việc sử dụng tài nguyên một cách tiết kiệm và hiệu quả được CAMIMEX xem là chìa khóa giúp giảm chi phí và tăng sức cạnh tranh. Công ty sẽ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất, tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo như điện mặt trời và điện gió, đồng thời cải tiến quy trình sản xuất để giảm tiêu hao nguyên vật liệu và hạn chế phát thải. Mục tiêu là tối ưu hóa vận hành mà vẫn đảm bảo thân thiện với môi trường.

» **Bảo đảm nguồn nguyên liệu ổn định cho sản xuất**

Nguồn nguyên liệu là yếu tố quyết định đến chất lượng và năng lực xuất khẩu. Vì vậy, Công ty sẽ tiếp tục phát triển các mô hình nuôi trồng theo chuẩn quốc tế, mở rộng liên kết với vùng nuôi và nâng cao chất lượng con giống. Việc chủ động về nguồn cung giúp Công ty duy trì sản xuất ổn định, đáp ứng yêu cầu khắt khe của các thị trường xuất khẩu và hỗ trợ tăng trưởng bền vững trong dài hạn.



06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu HĐQT

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT không điều hành	1.479.000	1,51%
2	Đặng Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT điều hành	-	-
3	Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT điều hành	240.000	0,25%
4	Trần Minh Thiệu	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
5	Bùi Đức Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành	11.449.850	11,7%

Lý lịch thành viên HĐQT

ÔNG BÙI SĨ TUẤN - CHỦ TỊCH HĐQT

Ngày sinh: 1971

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

1996 – 2006	Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
2006 – 2010	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
2010 – 2011	Giám đốc Đầu tư CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
10/2012 – 01/2013	Thành viên HĐQT CTCP Camimex Group
2008 – Nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Vốn Thiên niên Kỷ
01/2013 – Nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Camimex Group
02/2019 – Nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Camimex

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- » Chủ tịch HĐQT CTCP Camimex Group
- » Người đại diện theo pháp luật của CTCP Vốn Thiên Niên Kỷ
- » Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Camimex Organic
- » Chủ tịch HĐQT của CTCP Camimex Foods
- » Chủ tịch HĐQT của CTCP Camimex Quảng Trị
- » Người đại diện pháp luật của CTCP Camimex Nutrition

ÔNG ĐẶNG NGỌC SƠN - THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã được trình bày tại Chương 2 - Mục II - Tổ chức nhân sự

ÔNG BÙI ĐỨC CƯỜNG - THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã được trình bày tại Chương 2 - Mục II - Tổ chức nhân sự

ÔNG TRẦN MINH TRIỆU - THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP, KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Ngày sinh: 1960

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

1987 – 2000	Cán bộ, thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, Nam Định
2000 – 2002	Cán bộ phòng tổ chức Nhà máy thuốc lá Vĩnh Hội Sài Gòn
2002 – 2004	Giám định viên Công ty bảo hiểm Sài Gòn
2004 – Nay	Phó giám đốc Công ty Luật hợp danh Sài Thành
09/2020 – Nay	Thành viên HĐQT độc lập CTCP Camimex

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Phó Giám đốc Công ty Luật hợp danh Sài Thành

ÔNG BÙI ĐỨC DŨNG - THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Ngày sinh: 1995

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

2018 - 2020	Giám đốc phát triển dự án CTCP Camimex Group
2021 - 2023	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Camimex Logistics
2022 - Nay	Thành viên HĐQT CTCP Camimex
2023 - Nay	Chủ tịch HĐQT của CTCP Thảo Anh Fish

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- » Chủ tịch HĐQT của CTCP Thảo Anh Fish
- » Thành viên HĐQT của CTCP Camimex Foods

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Những thay đổi trong HĐQT trong năm 2025

Không có

Danh sách các thành viên của HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Toàn bộ thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia khóa học về quản trị công ty tổ chức trước đây.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã thực hiện tốt công tác quản trị, định hướng và giám sát đối với hoạt động của Công ty theo đúng thẩm quyền, bám sát mục tiêu và chiến lược phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua. HĐQT bảo đảm việc điều hành và kiểm soát được thực hiện nhất quán, phù hợp với tình hình thực tế; qua đó giữ vững tính ổn định và định hướng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Cụ thể, HĐQT tập trung vào các nội dung trọng yếu sau:

- » HĐQT theo dõi tiến độ triển khai các chỉ tiêu, kế hoạch năm; xem xét các báo cáo định kỳ và chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các biện pháp điều chỉnh cần thiết nhằm thích ứng với biến động của thị trường và bối cảnh kinh tế.
- » HĐQT chỉ đạo Ban Lãnh đạo thực hiện nghiêm chế độ lập và trình bày báo cáo tài chính theo quy định, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác và minh bạch; đồng thời tăng cường chất lượng thông tin quản trị phục vụ công tác điều hành và giám sát.
- » Đồng thời, HĐQT thường xuyên rà soát, đánh giá và theo dõi các rủi ro trọng yếu; kịp thời định hướng phương án xử lý, phân công trách nhiệm và giám sát việc triển khai các biện pháp kiểm soát, qua đó bảo đảm Công ty vận hành an toàn, hiệu quả và bền vững.

Nhờ tăng cường giám sát và kỷ luật quản trị, HĐQT cùng với Ban điều hành và Ban kiểm soát đã góp phần củng cố niềm tin cổ đông/nhà đầu tư, nâng cao uy tín Công ty trong năm 2025.



Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2025

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bùi Sĩ Tuấn	7/7	100%
2	Đặng Ngọc Sơn	7/7	100%
3	Bùi Đức Cường	7/7	100%
4	Trần Minh Thiệu	7/7	100%
5	Bùi Đức Dũng	7/7	100%

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	1401/NQ.HĐQT.CMC	14/01/2025	Nghị quyết HĐQT V/v Thông qua hợp đồng với Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish
2	0703/NQ.HĐQT.CMC	07/03/2025	Nghị quyết HĐQT Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
3	2504/NQ.HĐQT.CMC	25/04/2025	Nghị quyết HĐQT về việc bổ sung chương trình họp ĐHĐCĐ TN 2025
4	2804/NQ.HĐQT.CMC.25	28/04/2025	Nghị quyết HĐQT Thông qua cập nhật, hoàn thiện Điều lệ Công ty Cổ phần CAMIMEX
5	3007/NQ.HĐQT.CMC	30/07/2025	Nghị quyết HĐQT v/v lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025
6	0808/NQ.HĐQT.CMC	08/08/2025	Nghị quyết HĐQT v/v thay đổi dấu của Công ty
7	1909/NQ.HĐQT.CMC	19/09/2025	Nghị quyết HĐQT v/v bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty, nhiệm kỳ 2025-2030
8	311225/NQ-HĐQT	31/12/2025	Nghị quyết HĐQT v/v thực hiện dự án đầu tư

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lữ Hồng Lam	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Nguyễn Hoài Linh	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
3	Trương Hà My	Thành viên Ban kiểm soát	-	-

Lý lịch Ban Kiểm soát

BÀ LỮ HỒNG LAM - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh: 1962
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Thủy sản và chứng chỉ Kế toán trưởng doanh nghiệp

Quá trình công tác:

06/1987 – 02/2002	Nhân viên kế toán Công ty CP Chế biến và XNK thủy sản Cadovimex
02/2002 – 06/2006	Phó phòng kế toán Công ty CP Chế biến và XNK thủy sản Cadovimex
07/2006 – 10/2020	Phó phòng kế toán tổng hợp Công ty cổ phần Camimex Group
06/2021 – Nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Camimex
04/2023 - Nay	Trưởng phòng Phòng Kiểm soát Kế toán - Tài chính thuộc Ban Quản trị Công ty CP Camimex Group

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Phòng Kiểm soát Kế toán - Tài chính thuộc Ban Quản trị Công ty CP Camimex Group

ÔNG NGUYỄN HOÀI LINH - THÀNH VIÊN BKS

Ngày sinh: 1991
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán

Quá trình công tác:

04/2017 – 07/2020	Nhân viên Ban Kinh doanh CTCP Camimex
07/2020 - Nay	Nhân viên Ban Quản trị Nhân sự, tiền lương tại CTCP Camimex
06/2021 - Nay	Thành viên Ban Kiểm Soát CTCP Camimex
03/2025 - Nay	Người UQ CBTT CTCP CAMIMEX GROUP

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Người được UQ CBTT CTCP CAMIMEX GROUP

BÀ TRƯƠNG HÀ MY - THÀNH VIÊN BKS

Ngày sinh: 1991
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên nghiệp - Dược sĩ

Quá trình công tác:

11/2017 -12/2018	Nhân viên Phòng Hành chính Nhân sự CTCP CAMIMEX
01/2019 - 04/2025	Nhân viên Nhân sự Zone 1 CTCP CAMIMEX
27/04/2025 – Nay	Thành viên BKS CTCP CAMIMEX

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Những thay đổi trong Ban Kiểm soát năm 2025

Ngày 27/04/2025, ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua việc miễn nhiệm bà Trần Thị My chức vụ thành viên BKS. Đồng thời, bà Trương Hà My được bổ nhiệm thay thế vào vị trí này.

Các cuộc họp Ban Kiểm soát năm 2025

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Lữ Hồng Lam	3/3	100%	-
2	Nguyễn Hoài Linh	3/3	100%	-
3	Trần Thị My	1/3	33%	Miễn nhiệm ngày 27/04/2025
4	Trương Hà My	2/3	67%	Bổ nhiệm ngày 27/04/2025

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát (BKS) chủ động triển khai các hoạt động giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông nhằm bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp. BKS duy trì sự phối hợp mật thiết với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cùng đội ngũ quản lý cấp cao, thường xuyên trao đổi thông tin với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc; các ý kiến giám sát, rủi ro và kiến nghị của BKS được tổng hợp kịp thời để HĐQT xem xét, chỉ đạo Ban Điều hành triển khai các biện pháp xử lý phù hợp.

Về tổ chức thực hiện, BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp quan trọng của HĐQT, Ban Lãnh đạo và các phiên họp định kỳ. Thông qua việc theo dõi xuyên suốt các nội dung điều hành, BKS luôn cập nhật tình hình nhanh chóng để triển khai nghị quyết, tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và các vấn đề phát sinh; đồng thời phát hành báo cáo giám sát theo từng nhóm nội dung để HĐQT nắm bắt để đưa chỉ đạo điều chỉnh kịp thời.

Bên cạnh công tác giám sát hoạt động, BKS tiếp tục tăng cường vai trò đưa ra các khuyến nghị và đánh giá rủi ro. Các rủi ro tiềm ẩn trong vận hành, tài chính và quản trị được BKS rà soát, cập nhật và chuyển đến HĐQT, Ban Tổng Giám đốc kèm theo khuyến nghị kiểm soát. Nhờ đó, HĐQT đã có chỉ đạo đến các đơn vị liên quan hoàn thiện biện pháp phòng ngừa, tăng cường kiểm soát nội bộ và theo dõi việc khắc phục sau kiểm tra, đánh giá, qua đó nâng cao chất lượng quản trị và hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm 2025.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng					
STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Tổng thu nhập
1	Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	72.000.000	72.000.000
2	Đặng Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	522.323.411	48.000.000	570.323.411
3	Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	136.353.517	48.000.000	184.353.517
4	Trần Minh Thiệu	Thành viên HĐQT độc lập	-	48.000.000	48.000.000
5	Bùi Đức Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành	-	48.000.000	48.000.000
6	Huỳnh Văn Tấn	Phó TGĐ	425.676.389	-	425.676.389
7	Huỳnh Công Nhân	Phó TGĐ (bổ nhiệm từ ngày 01/10/2024)	247.530.830	-	247.530.830
8	Lữ Hồng Lam	Trưởng BKS	-	36.000.000	36.000.000
9	Nguyễn Hoài Linh	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
10	Trần Thị My	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 27/04/2025)	-	7.666.667	7.666.667
11	Trương Hà My	Thành viên BKS	-	16.266.667	16.266.667
Tổng cộng			1.331.884.147	347.933.334	1.679.817481

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	88.200	0,14%	0	0%	Bán

Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (đồng)
1	CTCP CAMIMEX Group	Công ty Mẹ	Năm 2025	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	248.765.760.322
2	CTCP CAMIMEX Foods	Công ty trong tập đoàn	Năm 2025		39.857.822.142
3	Công ty CP CAMIMEX Organic	Công ty con	Năm 2025		300.805.474.279
4	Công ty CP CAMIMEX Farm	Công ty trong tập đoàn	Năm 2025		691.206.135
5	Công ty CP Thảo Anh Fish	Công ty có người ĐDTPL là TV HĐQT	Năm 2025		67.605.694.291

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Kể từ khi chính thức niêm yết trên thị trường Chứng khoán, Công ty vẫn luôn thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định pháp luật, chuẩn mực và hướng dẫn liên quan đến quản trị doanh nghiệp, cũng như các hoạt động trên thị trường chứng khoán. Sự tuân thủ được triển khai đồng bộ theo các văn bản pháp lý hiện hành (bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thủy sản và các quy định về công bố thông tin cùng các quy định có liên quan), nhằm bảo đảm hoạt động quản trị, điều hành vận hành đúng quy định, thống nhất và có kiểm soát.

Trên cơ sở nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, Công ty luôn cung cấp thông tin theo hướng minh bạch, chính xác và kịp thời; qua đó hỗ trợ cổ đông tiếp cận các nội dung trọng yếu phục vụ việc theo dõi, giám sát và thực hiện quyền của mình. Đồng thời, HĐQT định hướng Công ty nâng cao hiệu quả hoạt động, củng cố nền tảng tài chính và năng lực huy động vốn, tạo điều kiện cho việc triển khai kế hoạch sản xuất -kinh doanh và các mục tiêu phát triển dài hạn.

Việc duy trì kỷ luật tuân thủ và thực hành quản trị theo thông lệ phù hợp đã giúp Công ty đáp ứng yêu cầu pháp lý, tăng cường tính công khai và công bằng trong quản trị. Qua đó củng cố niềm tin của nhà đầu tư, nâng cao uy tín trên thị trường và tạo nền tảng cho định hướng phát triển bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.





06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán 2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex (tiền thân là Công ty TNHH Camimex) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 16 ngày 07 tháng 5 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Điện thoại : (0290) 3 831 608
- Fax : (0290) 3 580 827

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần Camimex tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại địa chỉ: 33/3 đường Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; xuất nhập khẩu thủy sản các loại; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Bà Trương Hà My	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2025
Bà Trần Thị My	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đặng Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2025
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Ông Huỳnh Công Nhân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Ngọc Sơn - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2025).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

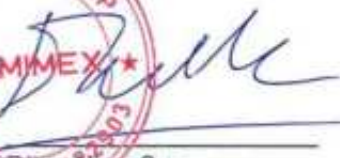
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

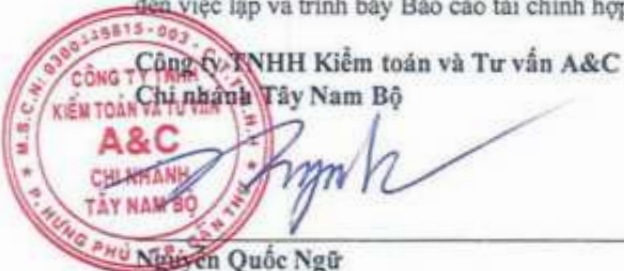
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quốc Ngự
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3089-2025-008-1
Người được ủy quyền

Nguyễn Thủy Trang
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3592-2026-008-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.989.989.928.461	2.379.685.885.242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		25.658.964.056	134.489.063.370
1. Tiền	111	V.1	25.658.964.056	134.489.063.370
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		202.391.503.564	99.090.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	202.391.503.564	99.090.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		623.993.562.516	691.797.047.751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	143.845.183.830	505.561.337.842
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	371.491.554.205	146.754.086.076
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	108.656.824.481	39.616.703.833
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-	(135.080.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	2.082.456.426.021	1.415.962.326.324
1. Hàng tồn kho	141		2.221.437.606.567	1.496.997.831.490
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(138.981.180.546)	(81.035.505.166)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		55.489.472.304	38.347.447.797
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.727.185.783	1.470.803.591
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		50.977.947.090	34.092.304.775
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	2.784.339.431	2.784.339.431
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN		200		925.561.165.042	906.708.862.215
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		1.030.000.000	1.030.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	V.5b	1.030.000.000	1.030.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		620.838.789.148	487.763.586.522
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9	450.509.159.644	330.567.923.919
- Nguyên giá		222		863.064.993.600	678.168.716.272
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(412.555.833.956)	(347.600.792.353)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224	V.10	132.060.638.280	118.451.074.089
- Nguyên giá		225		218.249.735.786	139.712.955.716
- Giá trị hao mòn lũy kế		226		(86.189.097.506)	(21.261.881.627)
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.11	38.268.991.224	38.744.588.514
- Nguyên giá		228		67.388.648.718	64.688.899.986
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(29.119.657.494)	(25.944.311.472)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
- Nguyên giá		231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế		232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		172.688.858.240	343.454.325.999
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.12	172.688.858.240	343.454.325.999
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		75.000.000.000	58.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	V.2b	75.000.000.000	50.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	8.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác		260		56.003.517.654	16.460.949.694
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.8b	56.003.517.654	16.460.949.694
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
5. Lợi thế thương mại		269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		3.915.551.093.503	3.286.394.747.457

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6



CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		2.738.870.842.767	2.187.223.931.154
I. Nợ ngắn hạn		310		2.058.955.692.499	1.582.876.541.629
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.14	309.744.693.290	148.743.015.415
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.15	7.212.467.822	3.095.567.559
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.16	19.497.781.504	17.110.569.216
4. Phải trả người lao động		314	V.17	26.525.820.042	22.944.299.233
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.18	20.601.423.716	42.236.095.754
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.19	19.192.343.120	31.615.434.432
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.20a	1.655.301.163.005	1.316.251.560.020
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	V.21	880.000.000	880.000.000
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		679.915.150.268	604.347.389.525
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác		337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.20b	679.915.150.268	604.347.389.525
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

					Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm				
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		1.176.680.250.736	1.099.170.816.303				
I. Vốn chủ sở hữu		410		1.176.680.250.736	1.099.170.816.303				
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411	V.22	978.999.980.000	978.999.980.000				
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		978.999.980.000	978.999.980.000				
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-				
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.22	(228.222.222)	(228.222.222)				
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		413		-	-				
4. Vốn khác của chủ sở hữu		414		-	-				
5. Cổ phiếu quỹ		415		-	-				
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		416		-	-				
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417		-	-				
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		-	-				
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		419		-	-				
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-				
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	V.22	186.057.322.113	108.631.163.568				
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		421a		108.631.163.568	108.631.163.568				
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		421b		77.426.158.545	-				
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422		-	-				
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429	V.22	11.851.170.845	11.767.894.957				
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-				
1. Nguồn kinh phí		431		-	-				
2. Nguồn kinh phí để hình thành tài sản cố định		432		-	-				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		3.915.551.093.503	3.286.394.747.457				



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026
Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

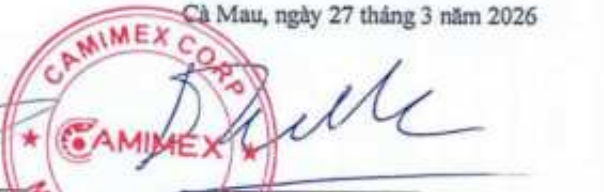
					Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		01	VI.1	2.520.083.913.466	2.648.136.725.086				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	VI.2	25.137.738.147	287.511.725				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10		2.494.946.175.319	2.647.849.213.361				
4. Giá vốn hàng bán		11	VI.3	2.026.938.795.992	2.289.208.043.677				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20		468.007.379.327	358.641.169.684				
6. Doanh thu hoạt động tài chính		21	VI.4	37.427.828.279	19.401.552.662				
7. Chi phí tài chính		22	VI.5	202.416.180.307	142.423.723.394				
Trong đó: chi phí lãi vay		23		149.615.783.861	97.146.953.185				
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		24		-	-				
9. Chi phí bán hàng		25	VI.6	130.341.204.580	111.066.677.418				
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		26	VI.7	77.677.297.528	72.429.176.103				
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30		95.000.525.191	52.123.145.431				
12. Thu nhập khác		31	VI.8	5.997.235.254	30.107.687.797				
13. Chi phí khác		32	VI.9	3.780.476.477	7.817.196.211				
14. Lợi nhuận khác		40		2.216.758.777	22.290.491.586				
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50		97.217.283.968	74.413.637.017				
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		51	V.16	19.707.849.535	19.878.868.800				
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		52		-	-				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60		77.509.434.433	54.534.768.217				
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		61		77.426.158.545	54.469.384.611				
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		62		83.275.888	65.383.606				
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		70	VI.10a,b	791	564				
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		71	VI.10a,b	791	564				



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026
Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT				
(Theo phương pháp gián tiếp)				
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		97.217.283.968	74.413.637.017
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	133.376.103.505	78.746.441.028
- Các khoản dự phòng	03	V.7	57.945.675.380	20.086.966.411
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	5.222.403.367	15.151.010.358
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(13.099.871.726)	(22.823.498.024)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	149.615.783.861	97.146.953.185
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		430.277.378.355	262.721.509.975
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(82.448.496.097)	(88.243.883.666)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(724.439.775.077)	(174.242.401.294)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		141.154.393.769	(51.085.240.952)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(39.798.950.152)	5.381.867.374
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(109.975.098.655)	(56.140.847.556)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(224.510.066)	(2.565.469.142)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.965.644.965
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(385.455.057.923)	(101.208.820.296)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, V.9, V.10, V.11, V.12, V.14, V.20b	(16.367.816.378)	(79.271.751.548)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	9.250.000.000	28.496.930.150
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(372.621.503.564)	(108.090.767.123)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		277.320.000.000	15.920.767.123
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.690.621.432)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	9.162.115.277	510.340.917
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(95.947.826.097)	(142.434.480.481)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	33.771.777.778
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a,b	4.948.862.892.641	4.389.133.292.036
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a,b	(4.541.002.488.400)	(3.996.071.802.334)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20a,b	(34.706.436.557)	(64.353.296.347)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		373.153.967.684	362.479.971.133
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(108.248.916.336)	118.836.670.356
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	134.489.063.370	11.439.826.243
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(581.182.978)	4.212.566.771
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	25.658.964.056	134.489.063.370


Trần Quốc Phong
Người lập


Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng


Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; xuất nhập khẩu thủy sản các loại; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**
Trong năm, Tập đoàn có xuất bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (xem thuyết minh số VI.1b) với tổng doanh thu và giá vốn theo sổ sách lần lượt là 206.318.174.505 VND và 170.290.335.676 VND, làm phát sinh khoản lãi 36.027.838.829 VND.
- Cấu trúc Tập đoàn**
Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic có trụ sở chính tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, tỉnh Cà Mau, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 79,21% (số đầu năm là 79,21%).

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.507 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.412 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 44
Máy móc và thiết bị	03 – 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	05

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất nhận góp vốn được ghi nhận theo giá trị đánh giá của Hội đồng giao nhận tài sản góp vốn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của Nhãn hiệu, tên thương mại mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

21. **Bên liên quan**
Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
22. **Báo cáo theo bộ phận**
Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.
- Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	499.978.464	330.427.442
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.158.985.592	134.158.635.928
Cộng	25.658.964.056	134.489.063.370

2. Các khoản đầu tư tài chính
Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	202.391.503.564	202.391.503.564	99.090.000.000	99.090.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng - 13 tháng đến hạn thu hồi dưới 12 tháng ^(*)	202.391.503.564	202.391.503.564	99.090.000.000	99.090.000.000
Dài hạn	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	202.391.503.564	202.391.503.564	107.090.000.000	107.090.000.000

Toàn bộ khoản tiền gửi cuối năm đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị				
Công ty Cổ phần Camimex Foods ⁽ⁱ⁾	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Camimex Farm ⁽ⁱⁱ⁾	25.000.000.000	-	-	-
Cộng	75.000.000.000	-	50.000.000.000	-

- ⁽ⁱ⁾ Tập đoàn đã mua 5.000.000 cổ phần tương đương 16,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Camimex Foods với giá mua là 50.000.000.000 VND.
- ⁽ⁱⁱ⁾ Trong năm, Tập đoàn đã mua 2.500.000 cổ phần tương đương 7,35% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Camimex Farm với giá mua là 25.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý
Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	7.756.276.036	184.352.517.633
Công ty Cổ phần Camimex Group	-	1.480.545.000
Công ty Cổ phần Camimex Foods	-	182.651.162.265
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	7.666.276.036	-
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng	-	10.810.368
Ông Nguyễn Trọng Hà	90.000.000	210.000.000
Phải thu các khách hàng khác	136.088.907.794	321.208.820.209
Metro Richelieu Inc.	23.131.267.761	30.819.896.952
Coop Cooperative (tên cũ Coop, Basel)	17.523.266.791	25.868.943.230
I.Schroeder KG. (GmbH & Co)	20.183.598.000	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Thủy Nhân	-	100.366.008.512
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	-	72.533.079.847
Các khách hàng khác	75.250.775.242	91.620.891.668
Cộng	143.845.183.830	505.561.337.842

Toàn bộ công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng tại mọi thời điểm đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	15.163.868.310	28.723.869.605
Ông Bùi Đức Cường	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Camimex Farm	1.450.719.622	-
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	11.795.814.981	7.208.909.824

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TS Hưng Thuận	1.917.333.707	19.014.959.781
Trả trước cho các người bán khác	356.327.685.895	118.030.216.471
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang	-	52.744.755.962
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hồng Phát CM	-	20.809.378.568
Công ty TNHH MTV Thủy sản Xuân Nguyễn ⁽ⁱ⁾	294.768.566.217	-
Các nhà cung cấp khác	61.559.119.678	44.476.081.941
Cộng	371.491.554.205	146.754.086.076
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong đó:		
Trả trước cho người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản	3.997.280.295	53.960.809.962

⁽ⁱ⁾ Trong đó, Khoản trả trước để mua bán hàng thủy sản đông lạnh giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Thủy sản Xuân Nguyễn theo hợp đồng số 0611/HĐMB-XN-CORP ngày 06 tháng 11 năm 2025.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.984.352.120	-	1.783.161.769	-
Công ty Cổ phần Camimex Group - Phải thu tiền kinh phí công đoàn	-	-	1.783.161.769	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods - Phải thu ủy thác xuất khẩu	2.984.352.120	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	105.672.472.361	-	37.833.542.064	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.159.784.843	-	1.283.528.395	-
Ông Nguyễn Xuân Toán - Tạm ứng ⁽ⁱ⁾	61.429.581.534	-	-	-
Tạm ứng	4.549.014.581	-	6.651.208.968	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	28.511.534.705	-	21.515.209.085	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.022.556.698	-	8.383.595.616	-
Cộng	108.656.824.481	-	39.616.703.833	-

⁽ⁱ⁾ Khoản tạm ứng cho Ông Nguyễn Xuân Toán để tìm đầu mối mua tôm nguyên liệu.

5b. Phải thu dài hạn khác
Là các khoản ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV BCA HCKT Thăng Long - Trả trước cho người bán	-	-	135.080.000	-
Cộng	-	-	135.080.000	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	135.080.000	94.556.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	40.524.000
Xử lý nợ	(135.080.000)	-
Số cuối năm	-	135.080.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.132.699.580	-	11.002.033.708	-
Công cụ, dụng cụ	1.515.676.771	-	1.611.933.003	-
Thành phẩm	2.199.789.230.216	(138.981.180.546)	1.484.383.864.779	(81.035.505.166)
Cộng	2.221.437.606.567	(138.981.180.546)	1.496.997.831.490	(81.035.505.166)

Một số thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 834.451.171.480 VND (số đầu năm là 841.950.086.202 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	81.035.505.166	60.989.062.755
Trích lập dự phòng bổ sung	57.945.675.380	20.046.442.411
Số cuối năm	138.981.180.546	81.035.505.166

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.143.185.447	961.179.006
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	544.422.517	483.624.583
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	39.577.819	26.000.002
Cộng	1.727.185.783	1.470.803.591

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.728.251.586	1.505.281.631
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	5.711.122.026	1.954.929.881
Phí bảo lãnh vay vốn	-	35.776.397
Chi phí thuê đất (*)	46.846.320.274	12.652.448.200
Các chi phí trả trước dài hạn khác	717.823.768	312.513.585
Cộng	56.003.517.654	16.460.949.694

(*) Trong đó, chi phí thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 46.846.320.274 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 285.490.636.591 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	139.712.955.716
Thuê tài chính trong năm	40.411.833.113
Mua sắm tài sản cố định hoàn thành	38.124.946.957
Số cuối năm	218.249.735.786
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	21.261.881.627
Khấu hao trong năm	64.927.215.879
Số cuối năm	86.189.097.506
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	118.451.074.089
Số cuối năm	132.060.638.280

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.000.000.000	62.907.674.178	781.225.808	64.688.899.986
Mua trong năm	2.500.000.000	-	199.748.732	2.699.748.732
Số cuối năm	3.500.000.000	62.907.674.178	980.974.540	67.388.648.718
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	781.225.808	781.225.808

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	25.163.085.664	781.225.808	25.944.311.472
Khấu hao trong năm	-	3.145.383.708	29.962.314	3.175.346.022
Số cuối năm	-	28.308.469.372	811.188.122	29.119.657.494
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.000.000.000	37.744.588.514	-	38.744.588.514
Số cuối năm	3.500.000.000	34.599.204.806	169.786.418	38.268.991.224

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 3.348.336.270 VND (năm trước là 12.049.786.843 VND).

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho chi phí lãi vay không được trừ tại ngày kết thúc năm tài chính với số tiền là 73.467.378.717 VND (số đầu năm 35.521.602.927 VND).

Chi tiết chi phí lãi vay chưa ghi nhận như sau:

Năm 2023	6.196.701.245
Năm 2024	29.324.901.682
Năm 2025	37.945.775.790
Cộng	73.467.378.717

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>19.814.470.211</i>	<i>13.717.481.979</i>
Công ty Cổ phần Camimex Group	-	602.762.355
Công ty Cổ phần Camimex Farm	-	11.225.858.890
Công ty Cổ phần Camimex Foods	19.313.008.273	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	-	598.260.734
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	-	1.290.600.000
Công ty TNHH TS Hưng Thuận	501.461.938	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>289.930.223.079</i>	<i>135.025.533.436</i>
Công ty TNHH MTV Thủy hải sản Chí Linh	14.191.855.481	9.625.776.869
Công ty TNHH MTV Thủy sản Kiều Phương	11.266.154.530	13.664.766.299
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiên mã Quỳnh	71.944.944.674	-
LX_International (Singapore) Pte Ltd	78.851.319.394	-
Các nhà cung cấp khác	113.675.949.000	111.734.990.268
Cộng	309.744.693.290	148.743.015.415

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản	3.059.819.740	1.121.677.980

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
LLC "Retail Service"	489.782.400	513.712.680
Canda Six Fortune Enterprise Co. Ltd	-	1.362.869.895
Shin Gang Corp	517.139.571	458.270.752
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Thủy Nhân	2.637.272.381	-
Các khách hàng khác	3.568.273.470	760.714.232
Cộng	7.212.467.822	3.095.567.559

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp nhà nước được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế, 5%
- Sản xuất giống thủy sản	Không chịu thuế

- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, các Công ty trong Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, các Công ty trong Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Camimex

Theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Camimex nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty TNHH Camimex Organic

Theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty TNHH Camimex Organic kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex	19.254.098.889	19.679.339.941
Công ty TNHH Camimex Organic	453.750.646	199.528.859
Cộng	19.707.849.535	19.878.868.800

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các Công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 5.000 VND/m³ đối với nước dưới lòng đất và 40.000 VND/m³ đối với nước trên mặt.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 năm 2025 còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	10.571.505.810	39.514.767.123
Công ty Cổ phần Camimex Group - Chi phí lãi vay phải trả	2.664.656.495	34.007.917.808
Công ty Cổ phần Camimex Farm - Chi phí lãi vay phải trả	7.906.849.315	5.506.849.315
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	10.029.917.906	2.721.328.631
Chi phí lãi vay phải trả	10.029.917.906	2.643.861.812
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	77.466.819
Cộng	20.601.423.716	42.236.095.754

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	955.726.379	487.101.685
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Cổ tức phải trả	200.368.069	200.368.069
Ông Bùi Đức Dũng - Cổ tức phải trả	3.251.409	3.251.409
Ông Bùi Đức Cường - Cổ tức phải trả	32.514.088	32.514.088
Ông Huỳnh Văn Tấn - Cổ tức phải trả	30.481.958	30.481.958
Bà Vũ Thị Bích Ngọc - Cổ tức phải trả	220.486.161	220.486.161
Công ty Cổ phần Camimex Foods - Phải trả phí ủy thác xuất khẩu	468.624.694	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	18.236.616.741	31.128.332.747
Kinh phí công đoàn	9.661.485.261	8.192.774.661
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.505.941.651	8.993.943.047
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.449.999.999	949.999.999

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	2.497.081.977	2.497.081.977
Coop Basel - Tiền mượn	-	8.288.420.527
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.122.107.853	2.206.112.536
Cộng	19.192.343.120	31.615.434.432

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	397.261.822.114	402.303.253.568
Vay Bà Lê Thị Diệu ^(vii)	1.450.000.000	-
Vay Công ty Cổ phần Camimex Group ^(vi)	195.811.822.114	202.303.253.568
Vay Công ty Cổ phần Camimex Farm ^(xi)	200.000.000.000	200.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.258.039.340.891	913.948.306.452
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.145.161.746.395	835.042.349.449
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	78.701.377.702	80.083.957.283
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	9.895.897.467
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	158.522.578.476	175.276.310.809
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	239.724.726.800	180.671.121.000
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng ^(iv)	254.714.024.683	189.509.222.376
- Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(v)	27.984.462.000	20.053.050.000
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn - Phòng giao dịch Lý Thái Tổ (năm trước là Phòng giao dịch Chương Dương) ^(vi)	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre ^(vii)	79.776.000.000	79.301.129.318
- Vay Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank., Ltd - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	-	50.200.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau ^(viii)	186.009.074.134	10.051.661.196
- Vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau ^(ix)	59.729.502.600	-
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cà Mau ^(x)	20.000.000.000	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	2.350.000.000	50.000.000
- Vay ngắn hạn các cá nhân khác ^(xi)	2.350.000.000	50.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	70.102.655.489	50.078.726.307
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	40.424.939.007	28.777.230.696
Cộng	1.655.301.163.005	1.316.251.560.020

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9 và VII.1b).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn, thế chấp thành phẩm, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a, V.7, V.9, V.11, VII.1a và VII.1b).
- (iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, thành phẩm và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.7, VII.1a và VII.1b).
- (iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, thành phẩm, chi phí thuê đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.7, V.8b, V.9 và VII.1a).
- (v) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a và V.7).
- (vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn - Phòng giao dịch Lý Thái Tổ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
- (vii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi, thế chấp quyền đòi nợ, thành phẩm, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a, V.3, V.7, V.9 và VII.1a).
- (viii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a và V.7).
- (ix) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex và Công ty TNHH Camimex Organic tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a, V.3 và V.7).

- (x) Khoản vay của Công ty TNHH Camimex Organic tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 3 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn và quyền đòi nợ (xem thuyết minh số V.2a và V.3).
- (xi) Vay không có tài sản đảm bảo của Công ty Cổ phần Camimex tại Công ty Cổ phần Camimex Group và Công ty Cổ phần Camimex Farm để bổ sung vốn lưu động với lãi suất lần lượt là 15%/năm và 1,2%/năm, thời hạn vay không quá 12 tháng.
- (xii) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân khác không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	91.822.273.808	113.713.636.904
- Vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱ⁾	91.822.273.808	113.713.636.904
Vay dài hạn các tổ chức khác	512.593.036.410	406.260.901.789
- Vay ResponsAbility Sicav (Lux) ⁽ⁱⁱ⁾	54.292.659.564	65.048.588.693
- Vay ResponsAbility Climate Smart Agriculture & Food Systems Fund, Sicav-Raif ⁽ⁱⁱⁱ⁾	62.645.376.846	85.702.313.096
- Vay Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V ^(iv)	395.655.000.000	255.510.000.000
Nợ thuê tài chính	75.499.840.050	84.372.850.832
- Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 6,6%/năm, thời hạn 05 năm	27.691.698.035	40.665.200.927
- Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất không quá 12%/năm, thời hạn 05 năm	975.000.000	8.148.183.634
- Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn không quá 05 năm	16.700.829.218	32.631.062.606
- Thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm	5.061.984.443	2.928.403.665
- Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm	25.070.328.354	-
Cộng	679.915.150.268	604.347.389.525

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

- Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn.
- (i)

Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre để tài trợ chi phí dự án nhà máy Hùng Vương Bến Tre để sản xuất chế biến cá fillet với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp chi phí thuê đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, tài sản hình thành từ vốn vay và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.8b, V.9 và V.12 và VII.1a).
- (ii)

Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại ResponsAbility Sicav (Lux) để sử dụng làm tổng vốn lưu động, làm vốn đầu tư xây dựng và đảm bảo đạt được chứng nhận tiêu chuẩn trang trại nuôi tôm của Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản với lãi suất theo thông báo bên cho vay (lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi), thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 31 tháng 7 năm 2025. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.
- (iii)

Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại ResponsAbility Climate Smart Agriculture & Food Systems Fund, Sicav-Raif để sử dụng làm tổng vốn lưu động, làm vốn đầu tư xây dựng và đảm bảo đạt được chứng nhận tiêu chuẩn trang trại nuôi tôm của Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản với lãi suất theo thông báo bên cho vay (lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi), thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 01 tháng 8 năm 2025. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.
- (iv)

Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V để thực hiện dự án (tất cả hoạt động sản xuất và kinh doanh liên quan đến dự án được nêu trong kế hoạch kinh doanh và sử dụng vốn vay nước ngoài được lập theo quy định tại Điều 7 và 17.2(b), Thông tư số 08/2023/TT-NHNN ngày 30/6/2023 của Chính phủ) với lãi suất theo thông báo bên cho vay về việc xác định lãi suất theo hợp đồng này cho kỳ tính lãi, thời hạn vay đến ngày 10 tháng 7 năm 2031. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 10 tháng 01 năm 2027. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh VII.1b).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	113.713.636.904	21.891.363.096	87.565.452.380	4.256.821.428
Vay dài hạn các tổ chức khác	560.804.328.803	48.211.292.393	433.462.036.410	79.131.000.000
Nợ thuế tài chính	115.924.779.057	40.424.939.007	75.499.840.050	
Cộng	790.442.744.764	110.527.594.496	596.527.328.840	83.387.821.428
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	135.686.265.000	21.972.628.096	87.565.452.388	26.148.184.516
Vay dài hạn các tổ chức khác	434.367.000.000	28.106.098.211	304.056.901.789	102.204.000.000
Nợ thuế tài chính	113.150.081.528	28.777.230.696	84.372.850.832	
Cộng	683.203.346.528	78.855.957.003	475.995.205.009	128.352.184.516

Tổng nợ thuế tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Tiền gốc phải trả	40.424.939.007	75.499.840.050	115.924.779.057
Lãi thuế phải trả	7.531.893.208	26.007.850.372	33.539.743.580
Nợ thuế tài chính phải trả	47.956.832.215	101.507.690.422	149.464.522.637
Số đầu năm			
Tiền gốc phải trả	28.777.230.696	84.372.850.832	113.150.081.528
Lãi thuế phải trả	8.179.822.499	18.605.301.335	26.785.123.834
Nợ thuế tài chính phải trả	36.957.053.195	102.978.152.167	139.935.205.362

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	113.713.636.904	-	-	-	(21.891.363.096)	91.822.273.808
Vay dài hạn các tổ chức khác	406.260.901.789	144.222.500.000	-	1.637.105.557	(39.527.470.936)	512.593.036.410
Nợ thuế tài chính	84.372.850.832	37.481.134.086	(5.929.205.861)	-	(40.424.939.007)	75.499.840.050
Cộng	604.347.389.525	181.703.634.086	(5.929.205.861)	1.637.105.557	(101.843.773.039)	679.915.150.268

- 20c. **Vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán**
Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.
21. **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**
Tập đoàn chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:
- | | Năm nay | Năm trước |
|-------------|-------------|-------------|
| Số đầu năm | 880.000.000 | 880.000.000 |
| Số cuối năm | 880.000.000 | 880.000.000 |
22. **Vốn chủ sở hữu**
- 22a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**
Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.
- 22b. **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**
- | | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Camimex Group | 724.725.000.000 | 724.725.000.000 |
| Các cổ đông khác | 254.274.980.000 | 254.274.980.000 |
| Cộng | 978.999.980.000 | 978.999.980.000 |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	97.899.998	97.899.998
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	97.899.998	97.899.998
- Cổ phiếu phổ thông	97.899.998	97.899.998
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	97.899.998	97.899.998
- Cổ phiếu phổ thông	97.899.998	97.899.998
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 769.169,94 USD (số đầu năm là 9.334,76 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	8.815.414.866	95.831.657.549
Doanh thu bán thành phẩm	2.478.494.317.323	2.515.331.357.096
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	32.774.181.277	36.973.710.441
Cộng	<u>2.520.083.913.466</u>	<u>2.648.136.725.086</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex Group		
Doanh thu bán hàng hóa	8.166.394.866	3.514.187.133
Doanh thu bán thành phẩm	173.538.505.765	7.669.143.880
Công ty Cổ phần Camimex Foods		
Doanh thu hàng hóa	1.132.800.000	-
Doanh thu bán thành phẩm	12.758.366.390	555.778.354.016
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.744.345.634	430.257.383
Công ty Cổ phần Camimex Farm		
Doanh thu gia công	-	250.779.550

Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.420.000	-

Công ty TNHH TS Hưng Thuận

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	6.615.800

Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.969.341.850	-

2. Khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.556.214.412	94.190.903.575
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.935.733.179.150	2.121.518.236.930
Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp	25.703.727.050	53.452.460.761
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	57.945.675.380	20.046.442.411
Cộng	<u>2.026.938.795.992</u>	<u>2.289.208.043.677</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền không kỳ hạn	29.960.006	29.080.858
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.038.371.725	1.459.600.818
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	27.359.496.548	17.912.870.986
Cộng	<u>37.427.828.279</u>	<u>19.401.552.662</u>

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	149.615.783.861	97.146.953.185
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	47.577.993.079	30.125.759.851
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.222.403.367	15.151.010.358
Cộng	<u>202.416.180.307</u>	<u>142.423.723.394</u>

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.481.311.070	5.336.892.168
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	327.058.338	275.987.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.364.652.433	79.855.867.534
Chi phí vận chuyển	56.174.505.315	45.645.811.724
Chi phí hoa hồng xuất khẩu	24.769.141.084	20.367.274.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	23.421.006.034	13.842.781.315

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

	Năm nay	Năm trước
Các chi phí khác	20.168.182.739	25.597.930.421
Cộng	130.341.204.580	111.066.677.418
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	29.171.895.446	25.682.280.340
Chi phí đồ dùng văn phòng	681.697.252	1.573.753.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.158.273.060	8.868.941.154
Thuế, phí và lệ phí	107.013.245	58.414.375
Dự phòng phải thu khó đòi	-	40.524.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	754.248.151	2.182.478.547
Các chi phí khác	37.804.170.374	34.022.783.787
Cộng	77.677.297.528	72.429.176.103
8. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.061.500.001	21.363.897.206
Tài sản thừa kiểm kê	-	6.352.191.182
Thu hỗ trợ tiền hàng, tiền bồi thường	491.837.452	1.854.848.259
Thu hộ xử lý nước thải	1.161.676.108	-
Thu nhập từ điện nước	579.087.045	536.751.132
Thu nhập khác	703.134.648	18
Cộng	5.997.235.254	30.107.687.797
9. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.860.740.961	3.982.467.781
Chi phí phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	563.794.854	-
Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên nghỉ việc	129.000.270	353.621.626
Chi phí xử lý công nợ	509.954.224	-
Chi hỗ trợ tiền hàng, tiền bồi thường	9.989.317	1.854.679.640
Chi phí khác	706.996.851	1.626.427.164
Cộng	3.780.476.477	7.817.196.211
10. Lãi trên cổ phiếu		
10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	77.426.158.545	54.469.384.611
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	77.426.158.545	54.469.384.611
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ	97.899.998	96.642.464

	Năm nay	Năm trước
thông đang lưu hành trong năm		
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	791	564
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	97.899.998	94.499.998
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	2.142.466
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	97.899.998	96.642.464

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.916.106.641.055	1.183.861.621.465
Chi phí nhân công	240.378.000.805	179.689.061.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	133.376.103.505	78.746.441.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.628.488.520	121.658.778.043
Chi phí khác	105.013.382.054	107.012.362.361
Cộng	2.524.502.615.939	1.670.968.264.342

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Nhận góp vốn	-	34.000.000.000
Vay tiền không lãi suất	-	11.000.000.000
Trả tiền vay	-	13.520.000.000
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Vay tiền không lãi suất	-	1.080.000.000
Trả tiền vay	-	1.600.000.000
Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Vay tiền không lãi suất	41.350.000.000	28.107.087.538
Trả tiền vay	39.900.000.000	53.407.087.538

Cam kết bảo lãnh
Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đã dùng cổ phiếu thuộc sở hữu của mình, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.19 và V.20a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Camimex:			
Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	184.353.517	48.000.000
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	570.323.411	561.301.133
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	425.676.389	513.295.073
Ông Huỳnh Công Nhân	Phó Tổng Giám đốc	247.530.830	48.781.620
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Bà Trương Hà My	Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 27/4/2025)	16.266.667	-
Bà Trần Thị My	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 27/4/2025)	7.666.667	24.000.000
Cộng		1.679.817.481	1.423.377.826

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác	
Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:	
Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Camimex Group	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Camimex Farm	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Foods	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	Công ty có chủ sở hữu có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	Công ty có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng	Công ty có người đại diện theo pháp luật có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Công ty có thành viên quản lý chủ chốt là Tổng Giám đốc của Công ty
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	Công ty có người đại diện theo pháp luật là thành viên Hội đồng quản trị Công ty
Công ty TNHH TS Hưng Thuận	Công ty có thành viên góp vốn lớn có mối quan hệ mật thiết với thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác
Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex Group		
Mua hàng hóa	42.458.241.191	50.976.583.266
Cung cấp dịch vụ	18.747.222.222	11.064.057.238
Hỗ trợ chi phí vận chuyển	3.630.005.720	-
Chuyển người mua trả tiền trước sang vay	-	95.007.801.600
Vay tiền không lãi suất	27.432.502.389	182.344.984.298
Trả tiền vay	33.923.933.843	206.141.730.730
Lãi vay phải trả	29.854.629.112	34.007.917.808
Công ty Cổ phần Camimex Foods		
Mua hàng hóa	9.174.630.637	56.597.636.849
Chi phí cung cấp dịch vụ	11.601.417.991	12.568.129.615
Mua tài sản cố định hữu hình	-	263.568.450
Vay tiền không lãi suất	-	4.140.000.000
Trả tiền vay	-	4.140.000.000
Công ty Cổ phần Camimex Farm		
Mua hàng hóa	691.206.135	11.186.816.649
Vay tiền không lãi suất	-	218.577.157.759
Trả tiền vay	-	18.577.157.759
Lãi vay phải trả	2.400.000.000	5.506.849.315

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn bằng nợ phải trả	22.309.378.568	-
Góp vốn bằng tiền	2.690.621.432	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải		
Mua hàng hóa	-	15.120.152.500
Chi phí dịch vụ vận chuyển	-	116.300.000
Vay tiền không lãi suất	-	28.480.495.500
Trả tiền vay	-	28.480.495.500
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn		
Mua hàng hóa	4.740.120.000	13.008.222.000
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish		
Mua hàng hóa	26.516.616.266	48.882.329.177
Chi phí cung cấp dịch vụ	22.570.216.440	-
Bán tài sản cố định hữu hình	9.250.000.000	-
Bán công cụ, dụng cụ	88.920.000	-
Vay tiền không lãi suất	18.397.072.592	-
Trả tiền vay	18.397.072.592	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát		
Mua hàng hóa	344.900.000	-
Chi phí gia công	-	2.406.298.800
Công ty TNHH TS Hưng Thuận		
Mua hàng hóa	100.860.831.638	32.767.125.035
Vay tiền không lãi suất	222.161.999.997	17.086.000.000
Trả tiền vay	222.161.999.997	17.086.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng		
Mua hàng hóa	-	11.160.000
Thu điện, nước nhà ăn	13.703.700	10.009.600

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty Cổ phần Camimex Foods dùng tài sản cố định thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Công ty Cổ phần Camimex Group dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình, một phần cổ phần của Công ty Cổ phần Camimex và Công ty TNHH Camimex Organic do Công ty Cổ phần Camimex Group sở hữu để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại các

ngân hàng và Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.14, V.18, V.19 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động chế biến các sản phẩm từ thủy sản đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Nước ngoài	2.243.474.087.662	1.726.157.859.345
Trong nước	251.472.087.657	921.691.354.016
Cộng	2.494.946.175.319	2.647.849.213.361

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026


Trần Quốc Phong
Người lập


Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng


Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	306.472.078.289	326.433.629.733	43.317.094.254	1.945.913.996	678.168.716.272
Mua trong năm	5.418.782.988	8.976.178.787	1.040.766.182	150.850.000	15.586.577.957
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	101.050.949.224	72.646.290.702	178.200.000	-	173.875.439.926
Tăng khác (*)	1.941.259.445	-	-	-	1.941.259.445
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.507.000.000)	-	-	(6.507.000.000)
Số cuối năm	414.883.069.946	401.549.099.222	44.536.060.436	2.096.763.996	863.064.993.600
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	43.622.671.870	96.868.130.262	9.817.408.337	1.487.313.996	151.795.524.465
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	125.527.924.527	195.838.440.394	24.594.406.792	1.640.020.640	347.600.792.353
Khấu hao trong năm	27.644.348.724	33.784.675.438	3.714.634.092	129.883.350	65.273.541.604
Thanh lý, nhượng bán	-	(318.500.001)	-	-	(318.500.001)
Số cuối năm	153.172.273.251	229.304.615.831	28.309.040.884	1.769.903.990	412.555.833.956

Giá trị còn lại

Số đầu năm	180.944.153.762	130.595.189.339	18.722.687.462	305.893.356	330.567.923.919
Số cuối năm	261.710.796.695	172.244.483.391	16.227.019.552	326.860.006	450.509.159.644

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

(*) Tăng theo Quyết định số 02/QĐ-CTCMA ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Cục thuế tỉnh Cà Mau.



Trần Quốc Phong
Người lập

Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

44



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình trong năm	Kết chuyển giảm khác (li)	Kết chuyển tài sản cố định thuế tài chính trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	257.465.060.152	18.178.926.578	(163.002.393.246)	(39.320.302.824)	(38.124.946.957)	35.196.343.703
- Nhà máy chế biến thủy sản Hùng Vương Bến Tre ⁰¹	187.275.474.468	18.178.926.578	(163.002.393.246)	(36.772.424.097)	-	5.679.583.703
- Các tài sản khác	70.189.585.684	-	-	(2.547.878.727)	(38.124.946.957)	29.516.760.000
Xây dựng cơ bản dở dang	85.989.265.847	62.844.345.370	(10.873.046.680)	(468.050.000)	-	137.492.514.537
- Công trình xây dựng Nhà máy Chế biến Thủy sản - Xi nghiệp 1	66.614.721.667	61.949.345.370	-	-	-	128.564.067.037
- Công trình sửa chữa Nhà máy Chế biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	10.873.046.680	-	(10.873.046.680)	-	-	-
- Các công trình khác	8.501.497.500	895.000.000	-	(468.050.000)	-	8.928.447.500
Cộng	343.454.325.999	81.023.271.948	(173.875.439.926)	(39.788.352.824)	(38.124.946.957)	172.688.858.240

⁰¹ Công ty đã thuê chấp chi phí mua sắm tài sản cố định với giá trị theo sổ sách cuối năm là 5.679.583.703 VND (vô dấu năm là 187.275.474.468 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20b).

⁰² Kết chuyển vào chi phí trả trước chờ phân bổ và chi phí trong năm.



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 03: Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VNĐ
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm do bù trừ thuế GTGT được hoàn	Phải nộp	Phải thu	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	678.425.486	-	2.156.045.966	(2.170.481.762)	-	663.989.690	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.784.339.431	-	-	-	-	-	2.784.339.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.290.657.063	-	19.707.849.535	(224.510.066)	(17.246.999.591)	18.526.996.941	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	82.842.797	-	1.012.843.718	(149.306.716)	(685.721.753)	260.658.046	-	-
Thuế tài nguyên	18.606.000	-	215.264.000	(204.705.200)	(13.830.000)	15.334.800	-	-
Thuế nhà đất	-	-	2.845.872	(2.845.872)	-	-	-	-
Các loại thuế khác	10.000.000	-	2.840.927.914	(2.820.125.887)	-	30.802.027	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	30.037.870	-	980.681.497	(1.010.719.367)	-	-	-	-
Cộng	17.110.569.216	2.784.339.431	26.916.458.502	(6.582.694.870)	(17.946.551.344)	19.497.781.504	2.784.339.431	

Chị Mai, ngày 27 tháng 3 năm 2026

44

Trần Quốc Phong,
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng


 CAMMEX CORP.
 Đổng Ngọc Sơn
 Tổng Giám đốc
 MSDN: 2003...

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 04: Bảng tổng, giảm vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ						
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	835.042.349.449	4.181.057.220.058	-	2.345.156.401	(3.873.282.979.513)	1.145.161.746.395
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	402.303.253.568	240.559.072.589	-	-	(247.050.504.043)	395.811.822.114
Vay ngắn hạn các cá nhân	50.000.000	383.024.099.994	-	-	(379.274.099.994)	3.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	50.078.726.307	-	61.418.834.032	-	(41.394.904.850)	70.102.655.489
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	28.777.230.696	-	40.424.939.007	-	(28.777.230.696)	40.424.939.007
Cộng	1.316.251.560.020	4.804.640.392.641	101.843.773.039	2.345.156.401	(4.569.779.719.096)	1.655.301.163.005

44

Trần Quốc Phong
Người lập

Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Cá Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 05: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	944.999.980.000	-	54.161.778.957	11.702.511.351	1.010.864.270.308
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm trước	34.000.000.000	(228.222.222)	-	-	33.771.777.778
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	54.469.384.611	65.383.606	54.534.768.217
Số dư cuối năm trước	978.999.980.000	(228.222.222)	108.631.163.568	11.767.894.957	1.099.170.816.303
Số dư đầu năm nay	978.999.980.000	(228.222.222)	108.631.163.568	11.767.894.957	1.099.170.816.303
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	77.426.158.545	83.275.888	77.509.434.433
Số dư cuối năm nay	978.999.980.000	(228.222.222)	186.057.322.113	11.851.170.845	1.176.680.250.736

Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026

 **Trần Quốc Phong**
Người lập

 **Nguyễn Thị Lam**
Kế toán trưởng

 **Đặng Ngọc Sơn**
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Cà Mau, ngày 20 tháng 4 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

 **ĐẶNG NGỌC SƠN**



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX



Số 333, đường Cao Thắng, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam



0290 3831608



camimex@camimex.com.vn



cmmseafood.com.vn